

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

---



ISO 9001:2008

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Nguyệt Ánh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

---

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Nguyệt Ánh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2013

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	0
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	3
1.1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	3
1.1.1. Khái quát về doanh thu .....	3
1.1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	4
1.1.1.2. Doanh thu nội bộ.....	4
1.1.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính .....	4
1.1.1.4. Thu nhập khác.....	4
1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu .....	5
1.1.2.1. Chiết khấu thương mại.....	5
1.1.2.2. Hàng bán bị trả lại .....	5
1.1.2.3. Giảm giá hàng bán .....	5
1.1.3. Khái quát về chi phí .....	6
1.1.3.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
1.1.3.2. Chi phí tài chính.....	8
1.1.3.3 Chi phí khác .....	8
1.1.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	9
1.1.5. Mục đích, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	9
1.2. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	10
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác. ....	10
1.2.1.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	15
1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.....	17
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí .....	19

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	19
1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	21
1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính .....	24
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	26
1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	28
<b>1.3. TỔ CHỨC LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH TRONG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....</b>	<b>31</b>
1.3.1 Hình thức nhật ký chung .....	31
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	33
1.3.4. Hình thức nhật ký chứng từ.....	35
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12 .....</b>	<b>38</b>
<b>2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY.....</b>	<b>38</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty.....	38
2.1.2. Năng lực tài chính : .....	42
2.2 Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.....	42
<b>2.3. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 12.....</b>	<b>48</b>
2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	48
2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	57
2.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	64
2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	71
2.3.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác .....	78
2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	88
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....</b>	<b>98</b>
<b>3.1. NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN .....</b>	<b>98</b>

3.2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 12.....	98
3.2.1. Những ưu điểm:.....	99
3.2.2 Những tồn tại:.....	101
3.3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12 .....	103
3.4. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12.....	104
KẾT LUẬN.....	112

**LỜI MỞ ĐẦU**

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra (bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp). Như vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, chúng có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành sản xuất hoặc thu mua tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu của mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng số 12, được sự giúp đỡ của Ban giám đốc, các cán bộ Ban Tài chính - Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.S Ninh Thị Thùy Trang, em xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: "***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng số 12***".

Tuy nhiên, do thời gian thực tập có hạn và trình độ nhận thức còn hạn chế nên em không thể tránh khỏi những khuyết điểm dẫn đến những thiếu sót trong việc trình bày về Công ty cổ phần xây dựng số 12 được một cách đầy đủ. Vì vậy, em rất mong được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các Thầy cô giáo và các bạn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn phòng kế toán tại doanh nghiệp và cô giáo Th.S Ninh Thị Thùy Trang đã nhiệt tình hướng dẫn để em có thể hoàn thiện bài báo cáo một cách tốt nhất

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 phần:

Chương 1: *Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh*

Chương 2: *Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng số 12 .*

Chương 3: *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng số 12*

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **1.1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

#### **1.1.1. Khái quát về Doanh thu**

##### **1.1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**\* Khái niệm:**

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

**\* Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

- Tài khoản 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu tiền hoặc sẽ được thu tiền.
- Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế.
- Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán  
( bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu )
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng



bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và thu tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và chỉ được hạch toán vào bên Có của TK 131- Phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận vào năm tài chính là số tiền cho thuê xác định trên cơ sở toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài chính.

#### **1.1.1.2. Doanh thu nội bộ**

**\* Khái niệm:**

Doanh thu nội bộ là số tiêu thụ được do bán sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty

#### **1.1.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

**\* Khái niệm:**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

#### **1.1.1.4. Thu nhập khác**

**\* Khái niệm:**

Thu nhập khác là những khoản thu nhập mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện, hoặc đó là những khoản

thu mang tính chất không thường xuyên.

Thu nhập khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoãn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán năm nay mới phát hiện ra ....

### **1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **1.1.2.1. Chiết khấu thương mại**

**\* Khái niệm:**

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn thanh toán đã thỏa thuận hoặc mua hàng, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

#### **1.1.2.2. Hàng bán bị trả lại**

**\* Khái niệm:**

Hàng bán bị trả lại là trị giá số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### **1.1.2.3. Giảm giá hàng bán**

**\* Khái niệm :**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lí do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

### 1.1.3. Khái quát về chi phí

#### 1.1.3.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a. Giá vốn hàng bán

**\* Khái niệm :**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ; các chi phí liên quan đến HĐKD bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư.

**\* Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

Có 4 phương pháp xác định trị giá hàng xuất kho để tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ:

- Phương pháp LIFO: (nhập sau- xuất trước) phương pháp này đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, tuy nhiên nhược điểm của phương pháp này là doanh thu doanh nghiệp sẽ giảm trong điều kiện lạm phát và lượng tồn kho có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán. Vì vậy phương pháp này thích hợp trong điều kiện giá cả tăng, làm giảm thuế thu nhập phải nộp.

- Phương pháp FIFO: (nhập trước- xuất trước) phương pháp này có nhược điểm là chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu hiện hành, thích hợp với điều kiện giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, với loại hàng cần tiêu thụ nhanh.

- Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền: đơn giá được tính theo trị giá trung bình của từng loại sản phẩm do tồn đầu lý và nhập kho trong kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh: thành phẩm được quản lý theo lô và khi xuất kho lô nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh lô đó. Ưu điểm phương pháp này là độ chính xác cao, công tác tính giá thành phẩm thực hiện kịp thời tuy nhiên lại tốn nhiều công sức do phải quản lý riêng từng lô thành phẩm. Phương pháp này phù hợp với với những thành phẩm có giá trị cao, chủng loại mặt hàng ít, dễ phân biệt giữa các mặt hàng.

Tùy từng loại hình doanh nghiệp sẽ lựa chọn phương pháp xuất kho phù hợp. Khi sử dụng phương pháp nào thì phải áp dụng thống nhất trong một kỳ kế toán và đăng ký ngay từ đầu niên độ kế toán. Khi thay đổi phương pháp phải đợi chấm dứt kỳ báo cáo kế toán và ghi rõ trong bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

## **b. Chi phí bán hàng**

### **\* Khái niệm:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ...bao gồm chi phí chào hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, ...

- Chi phí nhân viên: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, các khoản phải trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ...
- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh các chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh những chi phí mua ngoài phục vụ cho việc tiêu thụ sản phẩm
- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh những chi phí phát sinh khác ngoài những chi phí trên trong quá trình tiêu thụ sản phẩm

## **c. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

### **\* Khái niệm :**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ quản lý doanh nghiệp về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp ( lương chính, lương

phụ, phụ cấp lương ), các khoản phải trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ...

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như giấy, mực, bút ..., vật liệu cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dụng cụ ...
- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dành cho công tác quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.
- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, thuế TNDN, ...
- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài : tiền điện, tiền nước, điện thoại, thuê nhà văn phòng ...
- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên, như: chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách, công tác phí, tàu xe ...

### **1.1.3.2. Chi phí tài chính**

#### **\* Khái niệm :**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động về vốn, về đầu tư tài chính, về số chênh lệch tỉ giá hối đoái ( lỗ tỷ giá ) của hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư XDCB ( giai đoạn trước hoạt động ) đã hoàn thành và từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài.

### **1.1.3.3 Chi phí khác**

#### **\* Khái niệm :**

Chi phí khác là những chi phí doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện, hoặc đó là những khoản chi mang tính chất không thường xuyên, bao gồm :

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán ( nếu có )
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

**1.1.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

**\* Nội dung:**

Kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa giá trị thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả của hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

Tổng lợi nhuận = Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	+	Doanh thu + hoạt động tài chính	-	Chi phí - tài chính - bán hàng - quản lý doanh nghiệp
---	---	--	---	---------------------------------------	---	---

**1.1.5. Mục đích, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận vô cùng quan trọng trong cấu thành kế toán doanh nghiệp .

Kế toán kết quả kinh doanh cho chúng ta cái nhìn tổng hợp và chi tiết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho các nhà quản trị trong quá trình quản lý và phát triển doanh nghiệp.

Việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

+ Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra những quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các Báo cáo tài chính là sự quan tâm đầu tiên của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư.

⇒ Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng trong mỗi doanh nghiệp.

## **1.2. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.**

#### **1.2.1.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

##### **a. Kế toán doanh thu**

##### **\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

TK511

<u>Bên nợ</u>	<u>Bên có:</u>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.</li><li>- Trị giá các khoản chiết khấu</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</li></ul>

thương mại kết chuyển vào cuối kỳ.

- Trị giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá giảm giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ*

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 5 tài khoản cấp 2:

- ❖ Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng
- ❖ Tài khoản 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- ❖ Tài khoản 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ❖ Tài khoản 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

**TK 512**

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản chiết khấu thương mại và khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển vào cuối kỳ.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ.
- Thuế GTGT phải nộp cho số hàng hóa tiêu thụ nội bộ.

Bên có:

- Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán

*Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ*



Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ có 3 tài khoản cấp 2:

- ❖ Tài khoản 5121 : Doanh thu bán hàng hóa
- ❖ Tài khoản 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm
- ❖ Tài khoản 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng ...

**b. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

Tài khoản 521: “ chiết khấu thương mại”

TK521

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
Ghi nhận số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho khách hàng được hưởng	Trị giá số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ .

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- ❖ Tài khoản 5211: chiết khấu hàng hóa
- ❖ Tài khoản 5212: chiết khấu thành phẩm
- ❖ Tài khoản 5213: chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 “ hàng bán bị trả lại”

TK531

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
- Ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào số tiền khách hàng còn nợ.	- Ghi nhận trị giá của hàng bị trả lại trong kỳ kết chuyển vào tài khoản 511 “ doanh thi bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”

TK532

<u>Bên nợ :</u>	<u>Bên có:</u>
Ghi nhận các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng	Ghi nhận số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ kết chuyển vào tài khoản 511 “doanh thi bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

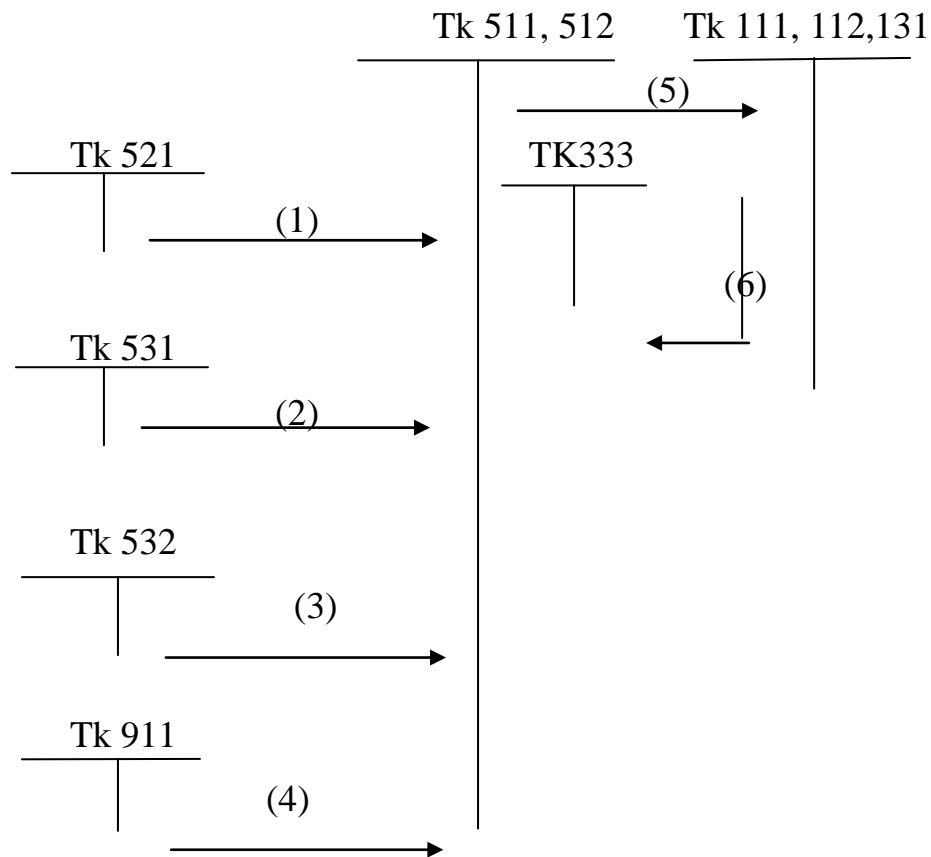
**\* Chứng từ sử dụng**

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu giao hàng

+ Đối với hàng hóa bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn hoặc bản sao hóa đơn, và đính kèm chứng từ nhập lại tại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại.

+ Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán

**\* Sơ đồ hạch toán doanh thu**



Diễn giải:

- (1): Khoản chiết khấu kết chuyển
- (2): Hàng bán bị trả lại
- (3): Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển
- (4): Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần
- (5): Doanh thu hàng bán
- (6): Thuế GTG đầu ra

**1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

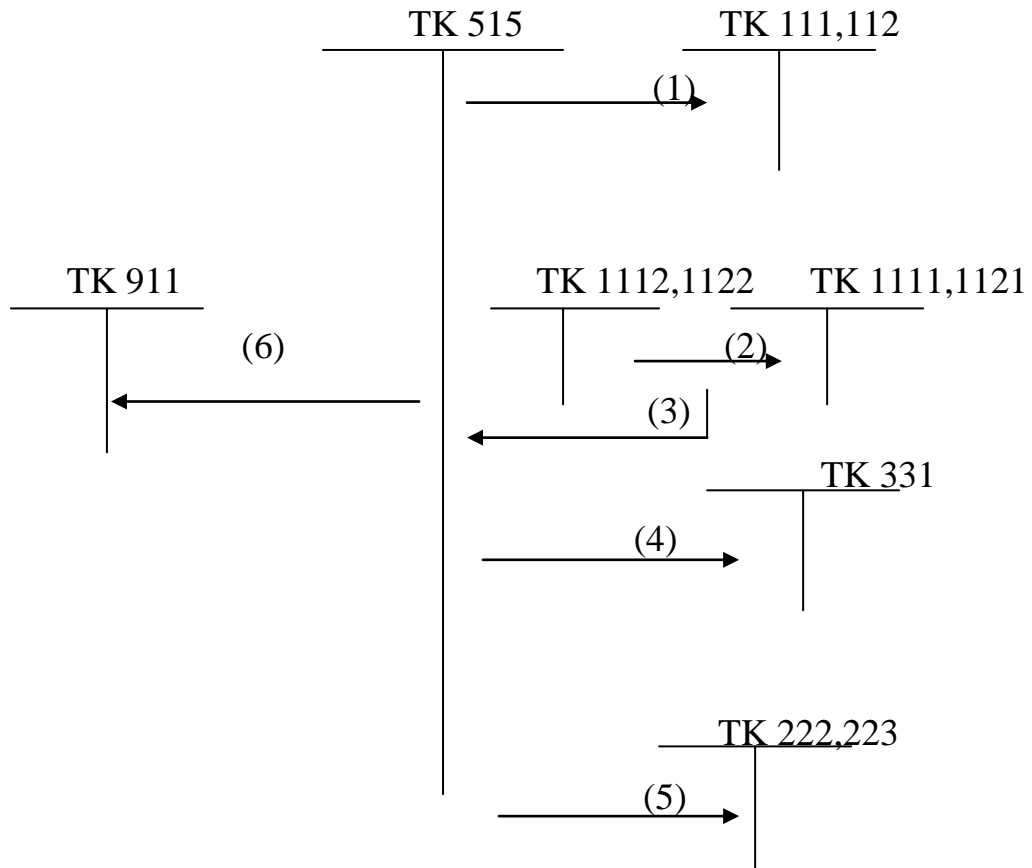
TK 515

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ</li> <li>- Lãi phát sinh khi bán ngoại tệ</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.</li> <li>- Khoản chiết khấu được hưởng</li> <li>- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết</li> <li>...</li> </ul>

**\* Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu tính lãi đi gửi
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có ngân hàng

\* Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Diễn giải:

- (1): Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ phiếu
- (2): Bán ngoại tệ (tỷ giá ghi sổ)
- (3): Lãi bán ngoại tệ
- (4): Chiết khấu thanh toán được hưởng
- (5): Lợi nhuận được chia đầu tư vào công ty liên kết, công ty con
- (6): Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911

**1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác ”

TK 711

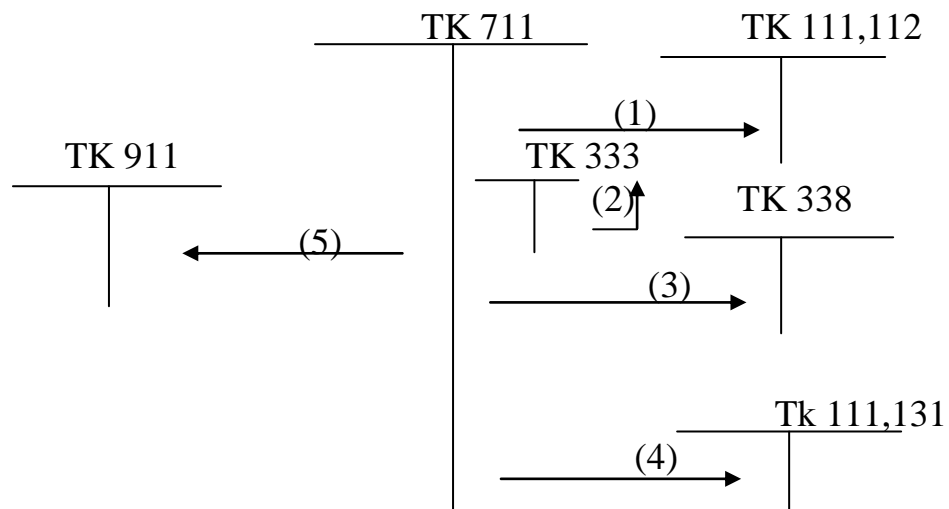
<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
- Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	- Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ
	- Thuế GTGT đầu ra
	- Thu tiền phạt do khách vi phạm hợp đồng
	- Phân bổ doanh thu chưa thực hiện

**\* Chứng từ sử dụng:**

+ Giấy báo có

+ Phiếu thu

**\* Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



Diễn giải:

- (1): Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định
- (2): Thuế GTGT đầu ra
- (3): Phân bổ doanh thu chưa thực hiện
- (4): Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- (5): Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ thu nhập khác

**1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí**

**1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

- Tài khoản sử dụng: TK 632 " Giá vốn hàng bán "
- Tài khoản 632 được áp dụng cho cả doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

TK 632

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung vượt trên mức công suất tính vào giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Phản ánh hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.</li> <li>- Giá vốn hàng bán bị trả lại.</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>

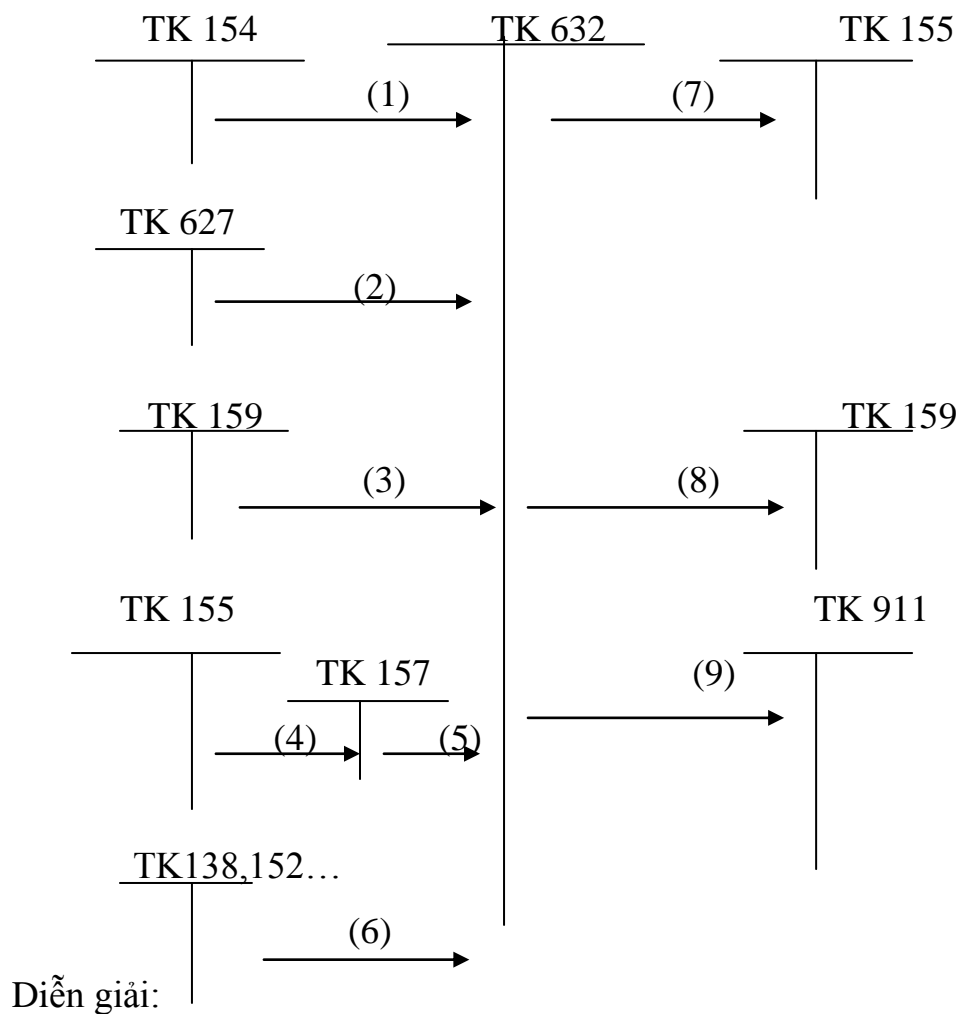
Tài khoản 632 không có số dư cuối



**\*Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp xuất, nhập tồn
- Bảng phân bổ giá
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý

**\* Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán**



- (1): Sản phẩm gửi bán xác định tiêu thụ
- (2): Chi phí sản xuất chung không phân bổ
- (3): Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- (4): Xuất kho gửi bán
- (5): Trị giá vốn sản phẩm xuất bán
- (6): Phần hao hụt, mất mát hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán

- (7): Nhập lại kho hàng bán bị trả lại
- (8): Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- (9): Cuối kỳ kết chuyển hàng bán

**1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Kế toán chi phí bán hàng**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

- Tài khoản 641 " Chi phí bán hàng "

TK641

<p><u>Bên Nợ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp</li> </ul>	<p><u>Bên Có:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.</li> <li>- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.</li> </ul>
--	---

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

TK 641 có 7 tài khoản cấp 2 như sau:

- ❖ TK 6411 : Chi phí nhân viên bán hàng
- ❖ TK 6412 : Chi phí vật liệu bao bì
- ❖ TK 6413 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- ❖ TK 6414 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- ❖ TK 6415 : Chi phí bảo hành
- ❖ TK 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ❖ TK 6418 : Chi phí khác bằng tiền

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn thông thường.
- Phiếu thu, phiếu chi, Giấy báo nợ, báo có

- Bảng kê thanh toán tạm ứng và các chứng từ khác có liên quan

**b. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

- Tài khoản 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"

Tk642

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
<p>- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, dự phòng trợ cấp mất việc.</p>	<p>- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.</p> <p>- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh</p>

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- ❖ TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý
- ❖ TK 6422 : Chi phí nguyên vật liệu quản lý
- ❖ TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- ❖ TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- ❖ TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí
- ❖ TK 6426 : Chi phí dự phòng
- ❖ TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ❖ TK 6428 : Chi phí khác bằng tiền

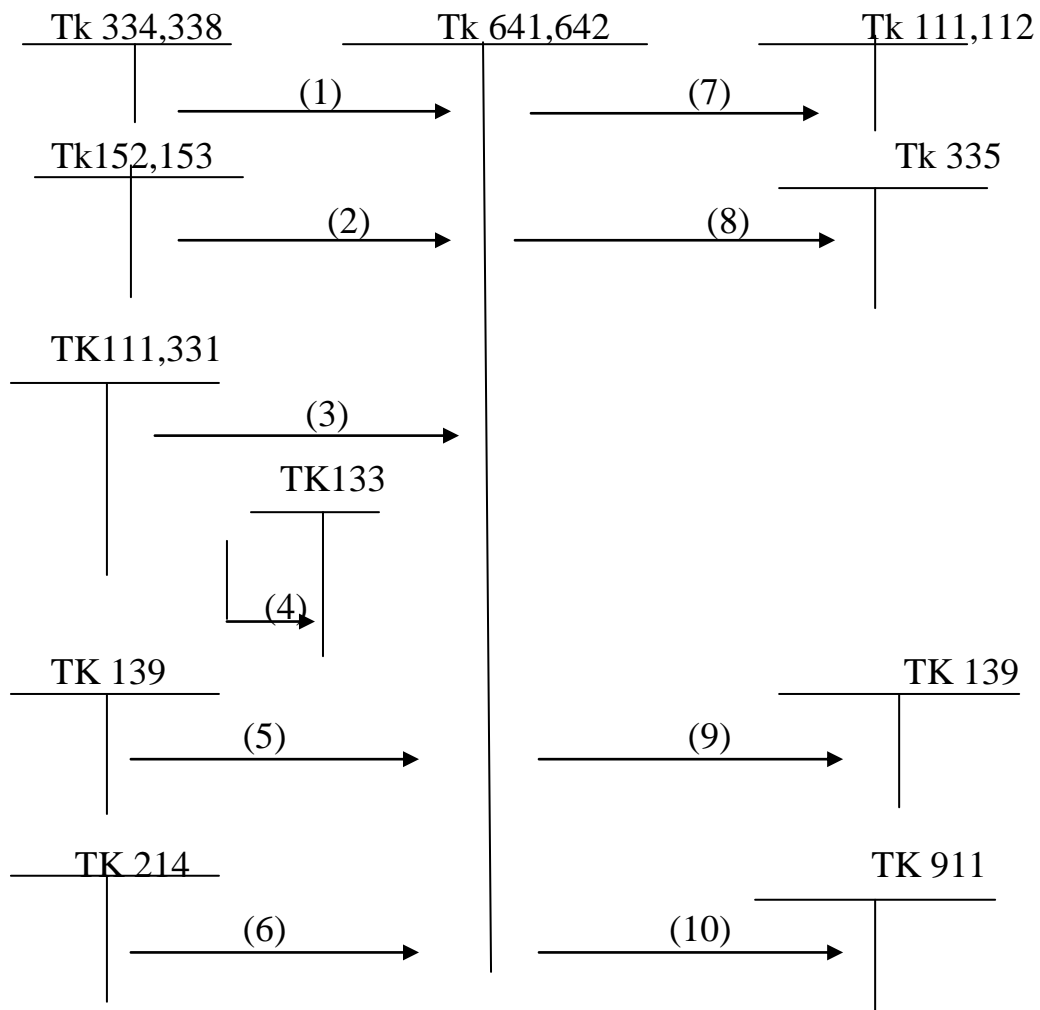
**\* Chứng từ sử dụng:**

Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn thông thường.

Phiếu thu, phiếu chi, Giấy báo nợ, báo có

Bảng kê thanh toán tạm ứng và các chứng từ khác có liên quan

**\* Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



Diễn giải:

- (1): Chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân viên bán hàng và cán bộ quản lý doanh nghiệp
- (2): Giá trị xuất dùng nguyên vật liệu công cụ dụng cụ
- (3): Vật tư hàng hóa mua, đưa ngay vào sử dụng
- (4): Thuế GTGT đầu vào
- (5): Lập các khoản dự phòng giảm thu khó đòi
- (6): Chi phí khấu hao TSCĐ
- (7): Các khoản thu giảm phí
- (8): Trích trước khoản chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
- (9): Hoàn nhập các khoản dự phòng giảm thu khó đòi
- (10): Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp để tính kết

quả kinh doanh kỳ này

### 1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

#### \* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

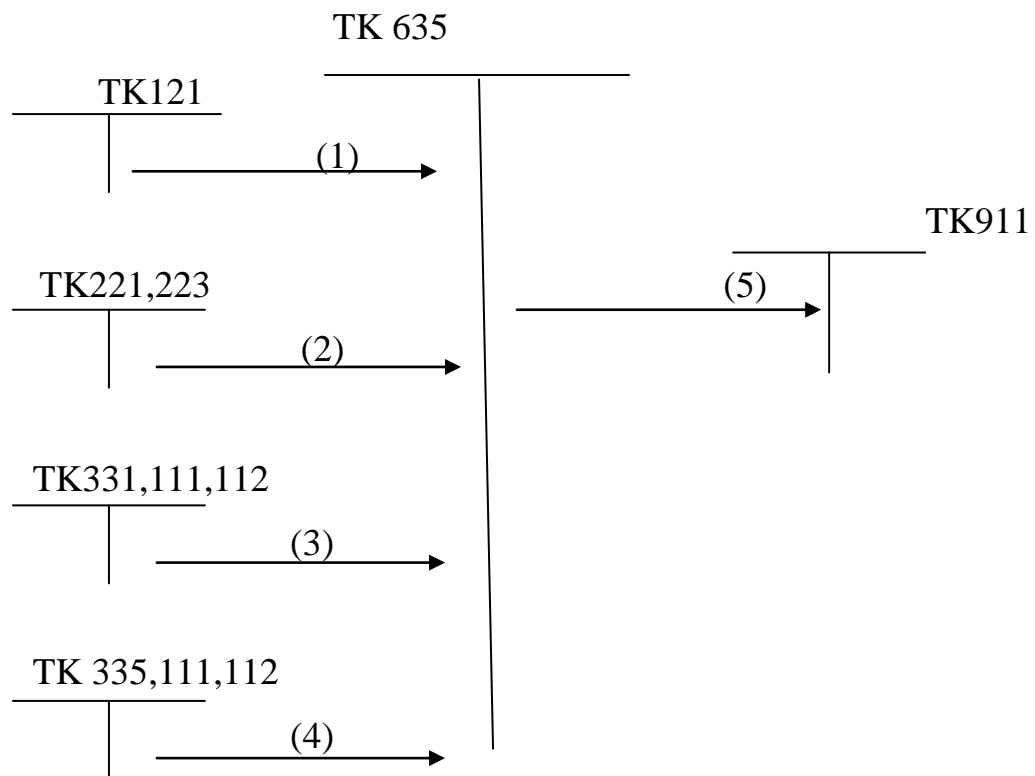
TK 635

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản lỗ về đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Khoản lỗ về đầu tư công ty con công ty liên kết.</li> <li>- Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng được hưởng</li> <li>- Lãi tiền vay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển chi phí tài chính vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

#### \* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu tính lãi đi vay
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ ngân hàng

**\* Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính**



Diễn giải:

- (1): Các khoản lỗ về đầu tư chứng khoán
- (2): Khoản lỗ về đầu tư công ty con, công ty liên kết
- (3): Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng được hưởng
- (4): Lãi tiền vay
- (5): Cuối kỳ kết chuyển chi phí

**1.2.2.4. Kế toán chi phí khác**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

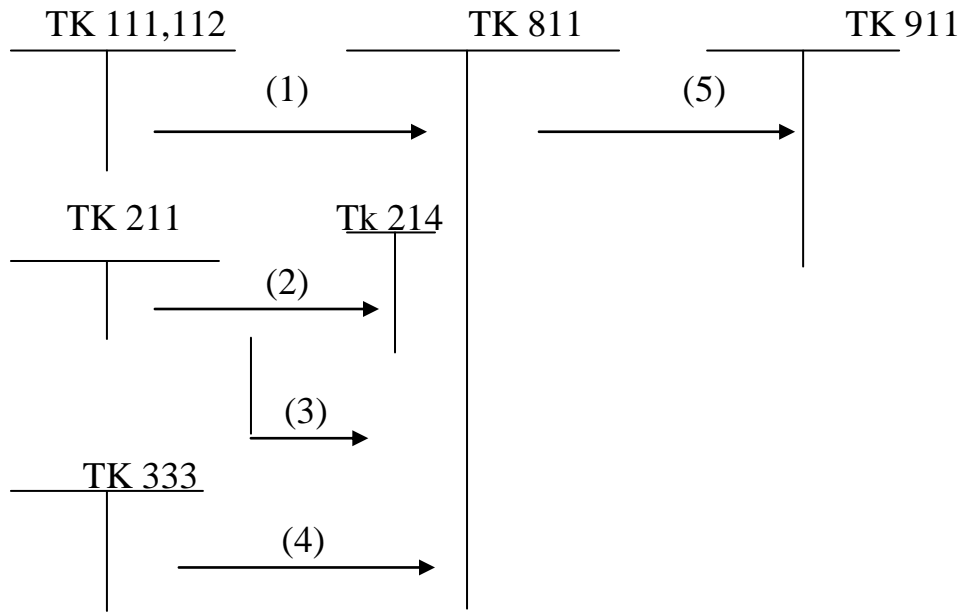
TK 811

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.</li> <li>- Hao mòn tài sản cố định</li> <li>- Tài sản cố định nhượng bán thanh lý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển chi phí khác vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

**\* Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu chi,
- + Giấy báo nợ Ngân hàng
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng kinh tế...

**\* Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác**



Diễn giải: (1): chi phí hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

(2): Hao mòn tài sản cố định

(3): Tài sản cố định nhượng bán, thanh lý

(4): Thuế bổ sung do truy thu

(5): Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí khác



**1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:**

Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 421 "Lợi nhuận chưa phân phối."

TK911

<u>Bên nợ:</u>	<u>Bên có:</u>
- Giá vốn hàng bán	- Doanh thu thuần
- Chi phí bán hàng	- Thu nhập khác
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	- Doanh thu hoạt động tài chính
- Chi phí hoạt động tài chính	- Số lỗ của hoạt động kinh doanh
- Chi phí khác, chi phí thuế TNDN	trong kỳ
- Số lãi trước thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ	

**\* Chứng từ sử dụng:**

+ Chứng từ gốc phản ánh các khoản doanh thu, chi phí như hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...

+ Bảng tính kết quả HĐKD, kết quả hoạt động khác

+ Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng.

+ Các chứng từ tự lập khác.

+ Phiếu kế toán tổng hợp.

**\* Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:**

Tổng lợi nhuận = Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp + Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết chuyển các khoản doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ bên ngoài, doanh thu tiêu thụ nội bộ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập

khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 512 : Doanh thu nội bộ

Nợ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 711 : Doanh thu khác

Có TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 : Giá vốn hàng bán

Có TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 641 : Chi phí bán hàng

Có TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 811 : Chi phí khác

+Nếu tổng doanh thu - tổng chi phí > 0.

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Nợ TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 821 : Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

- Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, số lãi sau thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nợ TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

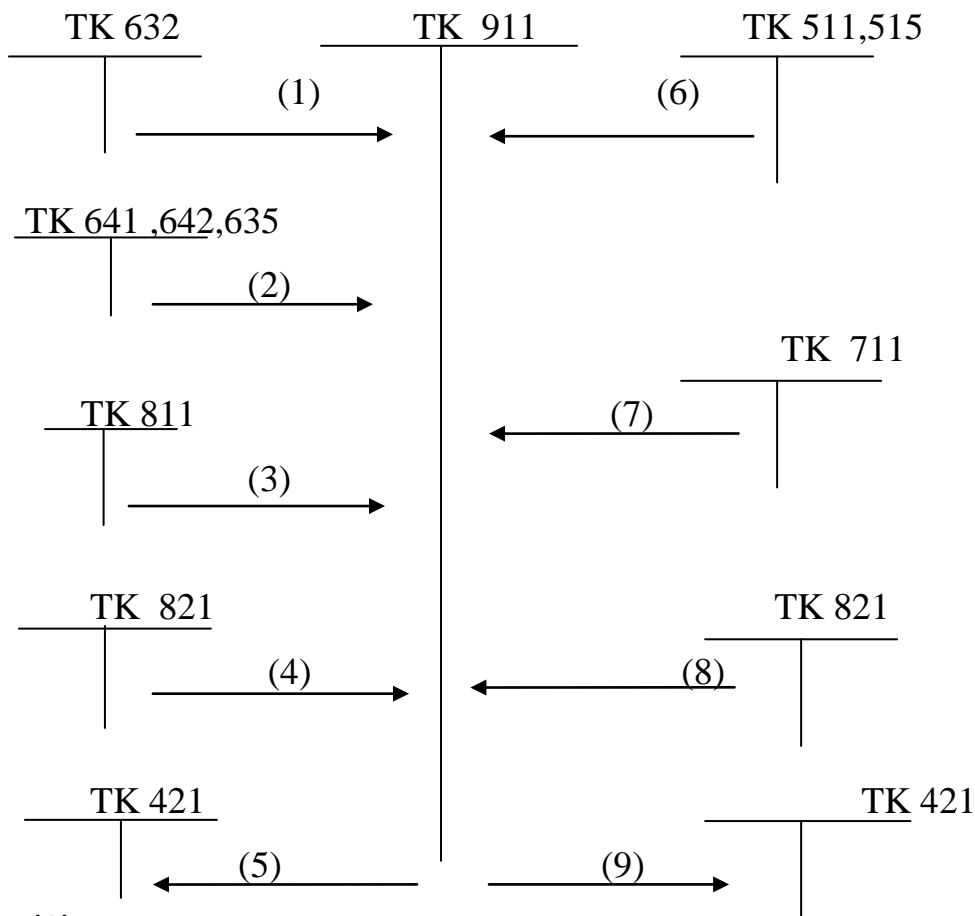
Có TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

+ Nếu tổng doanh thu - tổng chi phí < 0.: Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nợ TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

**\* Sơ đồ trình tự hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh**



Diễn giải:

- (1): Kết chuyển giá vốn sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ
- (2): Kết chuyển chi phí hoạt động trong kỳ
- (3): Kết chuyển chi phí khác
- (4): Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- (5): Kết chuyển lãi
- (6): Kết chuyển doanh thu hoạt động trong kỳ
- (7): Kết chuyển thu nhập khác
- (8): Kết chuyển khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- (9): Kết chuyển lỗ

### 1.3. TỔ CHỨC LUÂN CHUYỀN CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH TRONG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

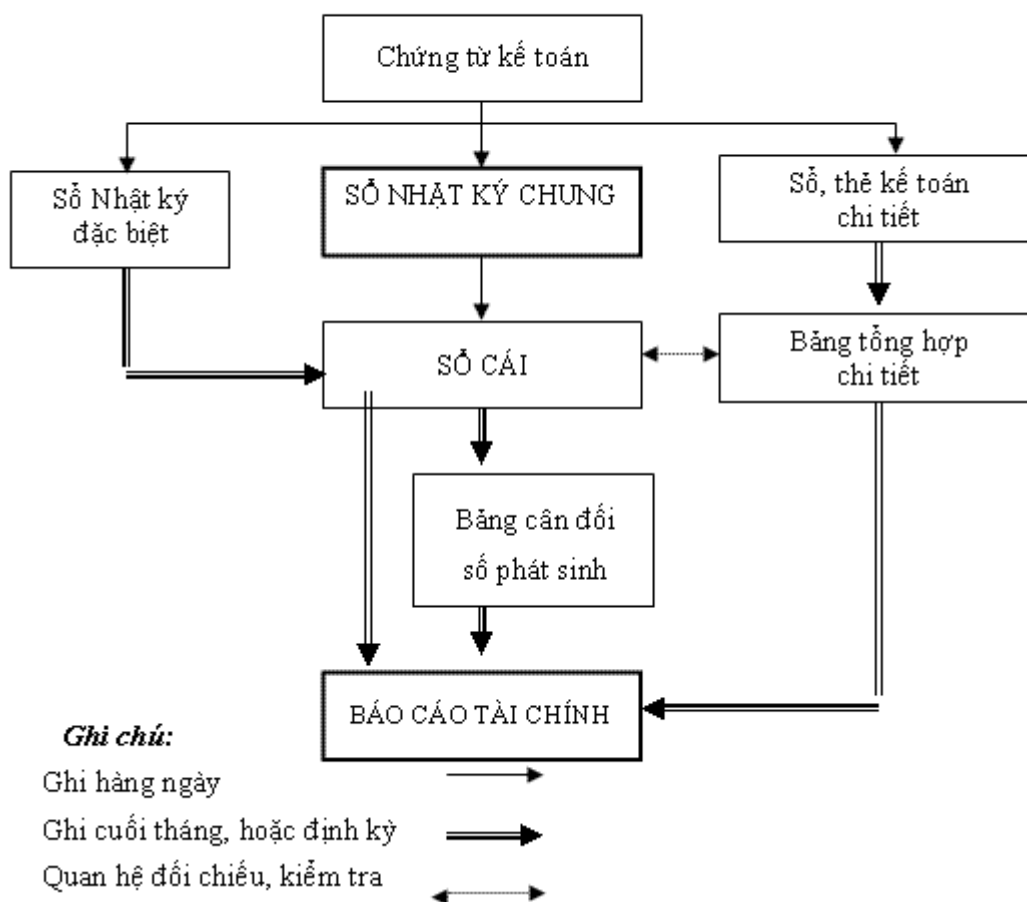
#### 1.3.1 Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Biểu số 01**  
**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN**  
**THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



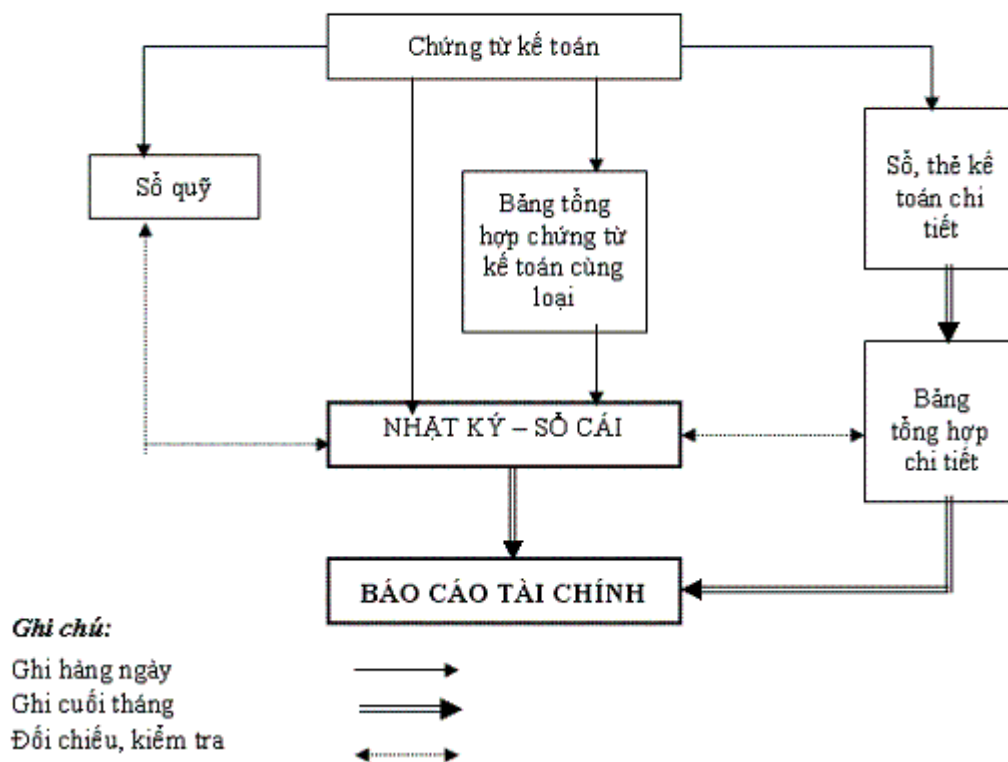
**1.3.2. Hình thức nhật ký - sổ cái**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

**Biểu số 02**  
**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN**  
**THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI**



**1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

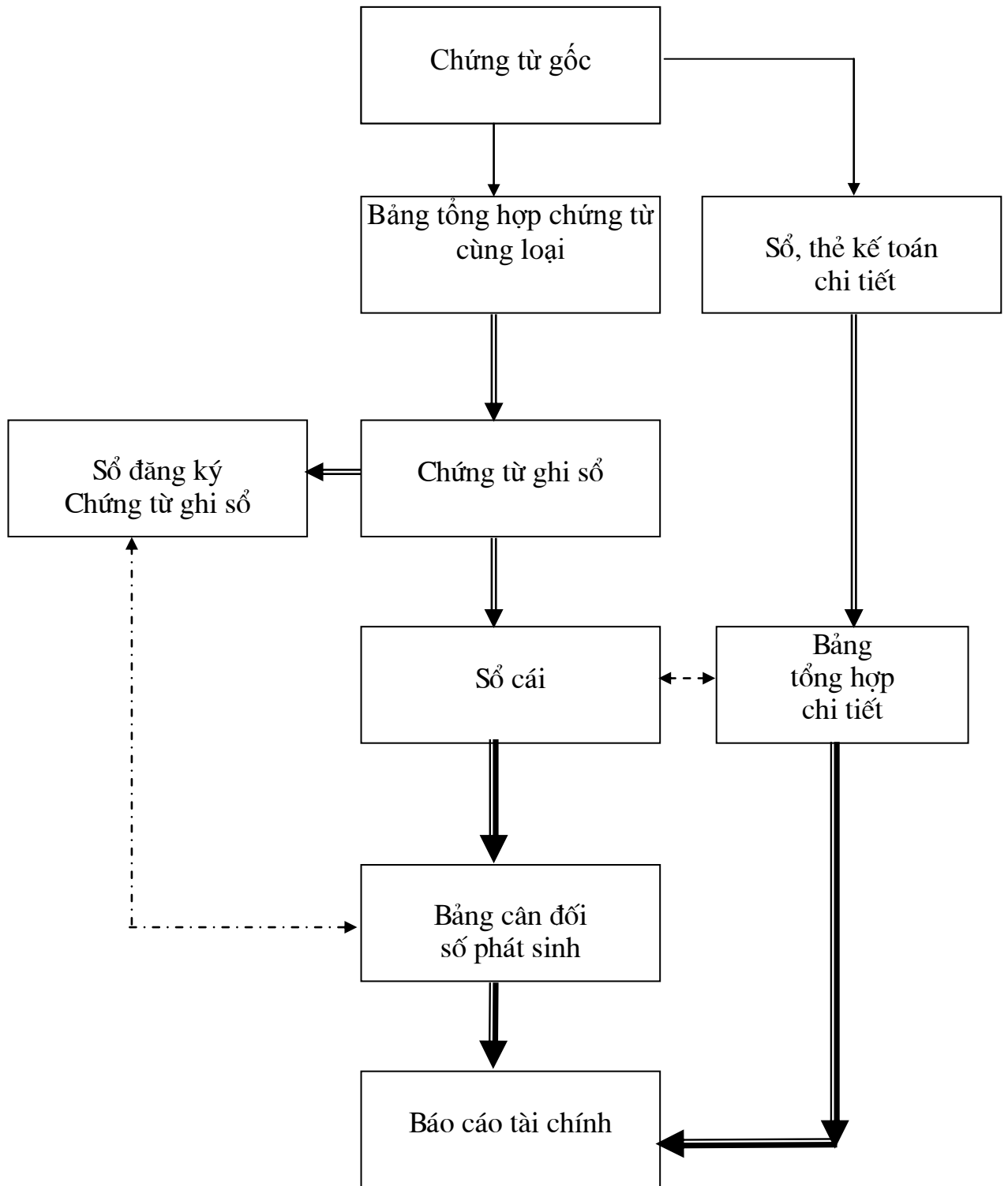
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối quý, năm

### **1.3.4. Hình thức nhật ký chứng từ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)

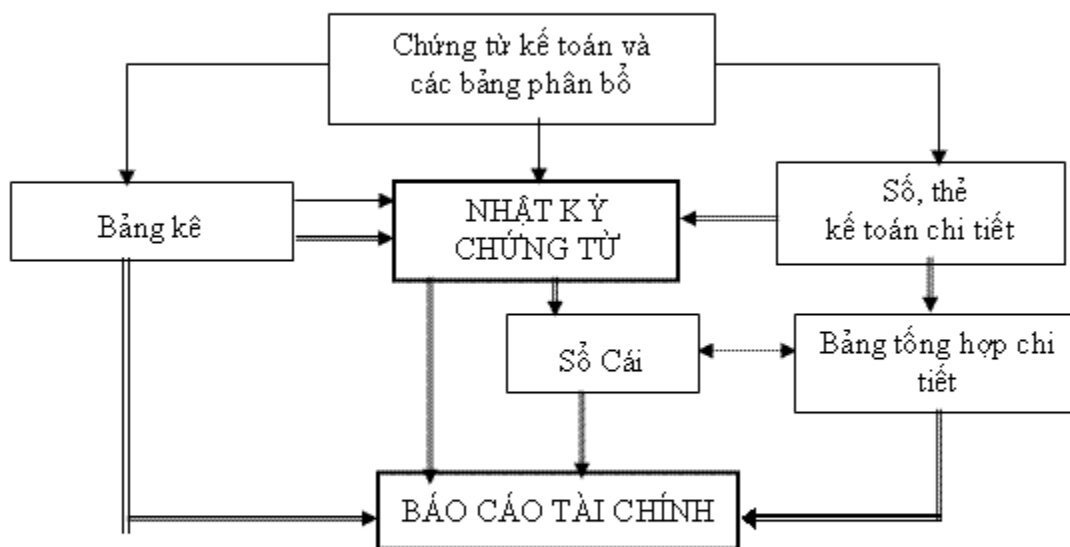
- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.



**Biểu số 04**  
**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN**  
**NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

**1.3.5. Hình thức kế toán máy**

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Biểu số 05)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài

khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

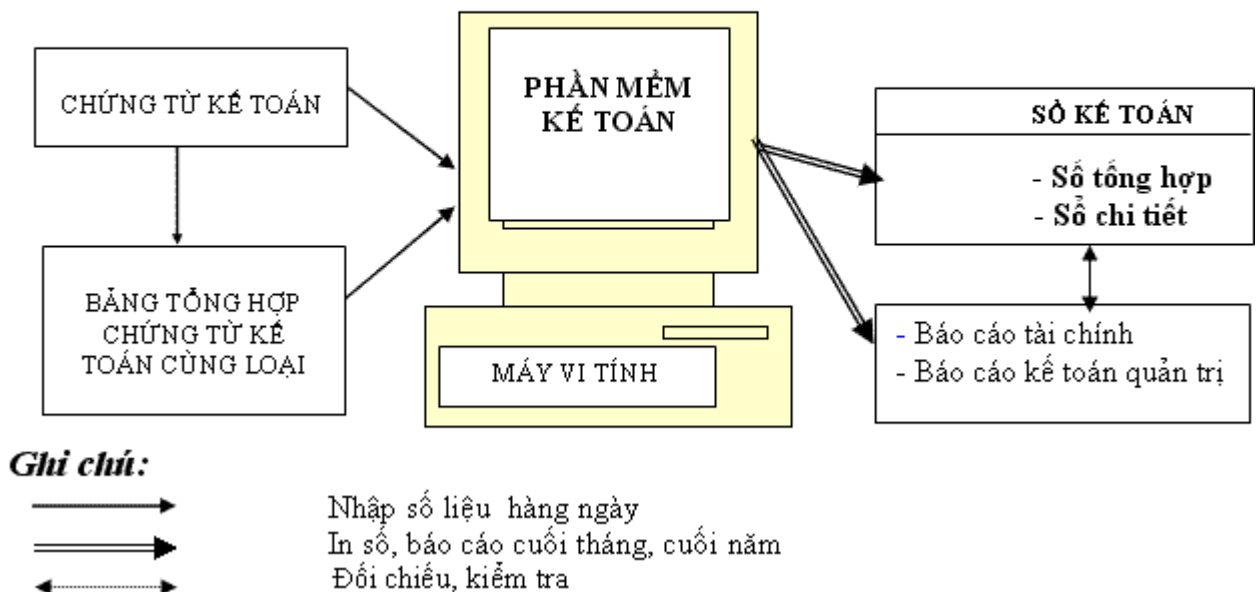
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**Biểu số 05**  
**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN**  
**THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12**

### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty**

- Tên đơn vị : Công ty cổ phần xây dựng số 12
- Địa chỉ : Số 79 đ- ờng 351 - Thị trấn An D- ơng - huyện An D- ơng - Hải Phòng.
- Mã số doanh nghiệp: 0200429318 do Sở đầu t- Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2011 thay đổi lần thứ 6..

Đại diện công ty:

- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc : KS. Nguyễn Khắc Lịch
- Tài khoản: 10201 0000212225 tại NHTMCP công th- ơng Việt Nam – CN Hồng Bàng
- Mã số thuế: 0200429318
- Điện thoại: 031.3871513 Fax: 031.3871692

\* Quá trình hình thành:

Công ty đ- ợc thành lập theo quyết định số 69/QĐ- TCCQ ngày 24/2/1978 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập doanh nghiệp Nhà n- ớc Công ty xây dựng An Hải với nhiệm vụ đ- ợc giao tổ chức thi công các công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài thành phố theo nhiệm vụ chính trị thành phố giao.

- Tại Quyết định số 1747/QĐ-UB ngày 02/10/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đổi tên từ công ty xây dựng An Hải thành công ty xây dựng số 12 bổ sung nhiệm vụ từ thi công các công trình dân dụng, công nghiệp đ- ợc bổ sung thi công các công trình giao thông thuỷ lợi.

- Tại Quyết định số 1863 ngày 26/9/2000 về việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà n- ớc thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn tất thủ tục tài chính, tổ chức – chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà n- ớc công ty xây dựng số 12 thành công ty cổ phần xây dựng số 12. Với giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0203000071 ngành nghề kinh doanh xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông thuỷ lợi, cơ

sở hạ tầng trang trí nội ngoại thất, t- vấn xây dựng cơ bản, sản xuất khai thác kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh dịch vụ th- ơng mại.

Để mở rộng sản xuất kinh doanh từng b- ớc lớn mạnh theo kịp cơ chế thị tr- ờng công ty tiếp tục đầu t- mở rộng ngành nghề, bổ sung vốn, bổ sung nhiệm vụ tại đăng kí kinh doanh số 0203000071 ngày 25 tháng 11 năm 2009 với mức vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

Với ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông thuỷ lợi
- Cơ sở hạ tầng trang trí nội ngoại thất
- T- vấn xây dựng cơ bản
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
- Kinh doanh dịch vụ th- ơng mại
- Kinh doanh nhà, thi công các công trình điện n- ớc
- Kinh doanh xăng dầu khí hoá lỏng
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc, và bán rơ moóc
- Bán xe ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác.

Năm 2009 tại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 11 năm 2009 quyết định Công ty đầu t- vốn trang thiết bị máy móc mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; dịch vụ ăn uống; đại lí du lịch; hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng. Với bổ sung đăng kí kinh doanh lần 5 ngày 25/11/2009

\* Quá trình phát triển:

Thành lập từ năm 1978 ban đầu chỉ là một cơ sở sản xuất nhỏ với lực l- ợng cán bộ quản lí, cán bộ kĩ thuật chỉ vài ba chục ng- ời chủ yếu là lao động thủ công, ph- ơng tiện máy thi công hầu nh- ch- a đ- ợc đầu t- . Cùng với năm tháng phát triển công ty đ- ợc dần dần lớn mạnh.

Về tổ chức:

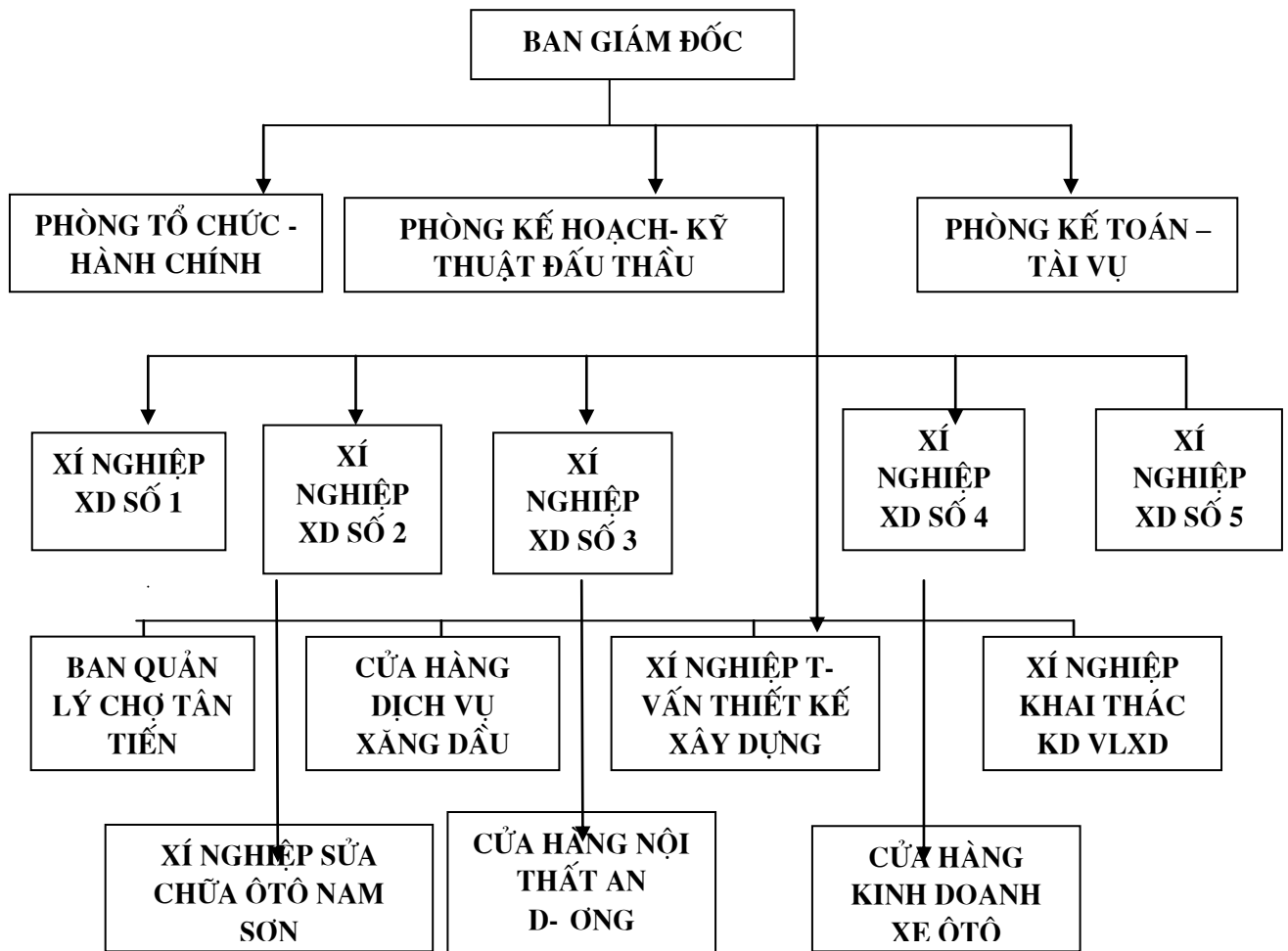
Xây dựng bộ máy tinh chuyên từ ban giám đốc công ty, các phòng ban, các xí nghiệp, đội, tổ sản xuất. Tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả. Đặc biệt xây dựng đ- ợc đội

ngũ kĩ s- chuyên ngành nghề đơn vị kinh doanh từng b-ớc đầu t- cơ sở hạ tầng trang thiết bị quản lí, máy thi công. Từ một cơ sở hạ tầng chỉ là dãy nhà cấp 4, ph-ong tiện máy thi công trang thiết bị quản lí hầu nh- ch- a đ-ợc đầu t- đến nay công ty đã có trong tay cơ sở khang trang quy mô hoành tráng gồm trụ sở làm việc 2 tầng, x-ởng sản xuất, kho chứa hàng với diện tích hàng nghìn mét vuông. Ngoài ra đầu t- xây dựng các cửa hàng và chợ Tân Tiến hàng chục tỷ đồng đã và đang d- a vào sử dụng. Năm 2009 công ty tiếp tục đầu t- xây dựng hội tr-ờng đám c-ới, mua xe ô tô du lịch với tổng mức đầu t- 5 tỷ đồng.

Ph-ong tiện máy móc thi công đã đ-ợc đầu t- hoàn chỉnh đơn vị chủ động thi công cơ giới trên các lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông thuỷ lợi... Từ nguồn vốn ban đầu chỉ vài trăm triệu đồng đến nay với số vốn l- u động trên 20 tỷ đồng. Đảm bảo đủ vốn đầu t- những công trình lớn và đầu t- dài hạn cho các dự án mà công ty làm chủ đầu t- .

Trong những năm qua với ph-ong châm năng động, đổi mới chuyên sâu tiến vững chắc trong từng b-ớc đi với khẩu hiệu uy tín – chất l- ượng – hiệu quả với sự nỗ lực của hơn 200 cán bộ công nhân viên trong những năm qua công ty luôn đạt đ-ợc thành tích đáng kể. Sản xuất kinh doanh với sản l- ượng năm sau cao hơn năm tr- ớc từ 1,2 đến 2 lần. Hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị đ-ợc giao. Đời sống cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo việc làm ổn định. Liên tục củng cố, đào tạo lực l- ượng cán bộ công nhân tr- ởng thành theo năm tháng. Nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, đem lại lợi nhuận cho các cổ đ-ông tích cực tham gia công tác xã hội đóng góp một phần nhỏ bé vào công cuộc đổi mới của đất n- ớc.

Mô hình điều hành sản xuất của công ty:



Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty :	235 ng- ời
Trong đó :	
- Kỹ s- xây dân dụng công nghiệp	12 ng- ời
- Kỹ s- giao thông	4 ng- ời
- Kỹ s- thủy lợi	3 ng- ời
- Kiến trúc s-	2 ng- ời
- Kỹ s- điện dân dụng	1 ng- ời
- Đại học kế toán tài chính	5ng- ời
- Cao đẳng kế toán	4 ng- ời
- Trung cấp xây dựng	8 ng- ời
- Trung cấp kế toán	6 ng- ời
- Trung cấp LĐTL	2 ng- ời
- Cao đẳng LĐTL	1 ng- ời
- Công nhân có tay nghề từ bậc 4 trở lên	125 ng- ời

**2.1.2. Năng lực tài chính :**

Vốn đăng kí kinh doanh: 20.000.000.000 đ

Trong đó: Vốn cố định: 20.000.000.000 đ

Vốn l- u động: 50.000.000.000 đ

Ngoài khả năng huy động vốn các cổ đông từ 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh một số năm gần đây :

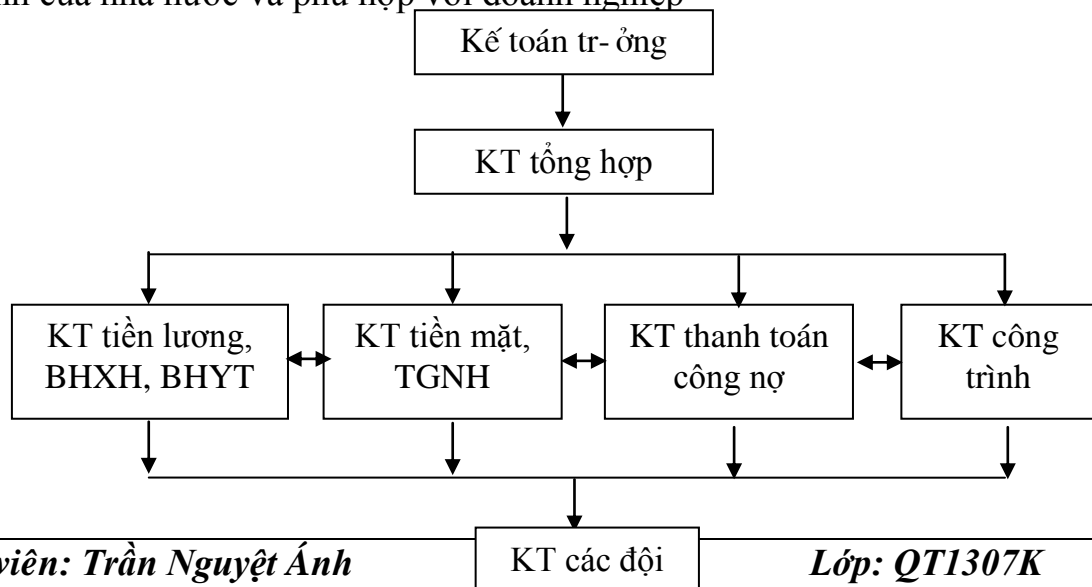
Bằng sự nỗ lực phấn đấu của Công ty cùng với sự giúp đỡ có hiệu quả của các cơ quan chức năng Nhà n- ớc : Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Sở xây dựng Hải Phòng, Cục dự trữ quốc gia, Bộ t- pháp và các địa ph- ơng nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm ổn định và phát triển, sản l- ợng năm sau cao hơn năm tr- ớc từ 5% - 20%.

Hàng năm thực hiện đầy đủ chế độ nộp ngân sách Nhà n- ớc, đảm bảo việc làm ổn định thu nhập cho ng- ời lao động.

**2.2 Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp**

\* Hình thức, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của bộ máy kế toán.

Chúng ta biết rằng, kế toán là một công cụ quan trọng trong những công cụ quản lý kinh tế. Kế toán thực hiện chức năng cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và có hệ thống cho các đối tượng sử dụng như các nhà quản lý, cơ quan chức năng nhà nước, ngân hàng. v.v. Việc tổ chức công tác kế toán phải theo đúng quy định của nhà nước và phù hợp với doanh nghiệp



Sơ đồ Bộ máy kế toán của DN.

Chú thích:  $\longrightarrow$  : Quan hệ chỉ đạo

$\longleftrightarrow$  : Quan hệ chức năng qua lại, đối chiếu (ngang hàng).

Chức năng của từng bộ phận kế toán:

KT trưởng: phụ trách chung về kế toán, tổ chức công tác kế toán của toàn doanh nghiệp; tổ chức bộ máy hoạt động, hình thức sổ, hệ thống chứng từ, tài khoản áp dụng, cách luân chuyển chứng từ, cách tính lập bảng báo cáo kế toán, theo dõi chung về tình hình tài chính của doanh nghiệp, hướng dẫn và giám sát hoạt động chi theo định mức đúng với tiêu chuẩn của doanh nghiệp và nhà nước.

KT tổng hợp: tính toán và tổng hợp toàn bộ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, dựa trên các chứng từ gốc mà các bộ phận kế toán khác chuyển đến theo yêu cầu của công tác tài chính kế toán.

KT tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ: phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến tính lương, trả lương và khen thưởng cho người lao động.

KT tiền mặt, tiền vay, TGNH: theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ liên quan đến số tiền hiện có, sự biến động tăng giảm của các loại tiền dựa trên chứng từ như: phiếu thu-chi, giấy báo nợ, giấy báo có . v.v.

KT công trình: ghi chép các nghiệp vụ kinh tế P/S tại công trình thi công xây dựng.

KT thanh toán công nợ: theo dõi tình hình biến động của các khoản thu nợ, thanh toán nợ đối với các chủ thể kinh tế.

KT đội: ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đội mình nơi có công trình thi công xây dựng.

Công ty cổ phần xây dựng số 12 là doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc vào báo số, tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ, giải quyết mối liên hệ giữa các nhân viên kế toán cũng như các bộ phận khác trong doanh nghiệp.



Công tác kế toán trong doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình bộ máy kế toán tập trung. Doanh nghiệp áp dụng hình thức này là vì: doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây. Phòng này ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, quyết toán các công trình, đánh giá các hoạt động tài chính giúp cho Giám Đốc chỉ đạo có hiệu quả. Đồng thời gửi báo cáo lên Giám Đốc doanh nghiệp.

\* Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Chế độ kế toán là những quy định hướng dẫn kế toán về một lĩnh vực hay công việc nào đó do cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

Hiện nay, Công ty cổ phần số 12 đang áp dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC ban hành.

\* Hình thức ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp.

Hình thức ghi sổ kế toán là hệ thống sổ sách dùng để ghi chép, hệ thống hóa và tổng hợp các số liệu từ các chứng từ kế toán theo trình tự và các ghi chép nhất định.

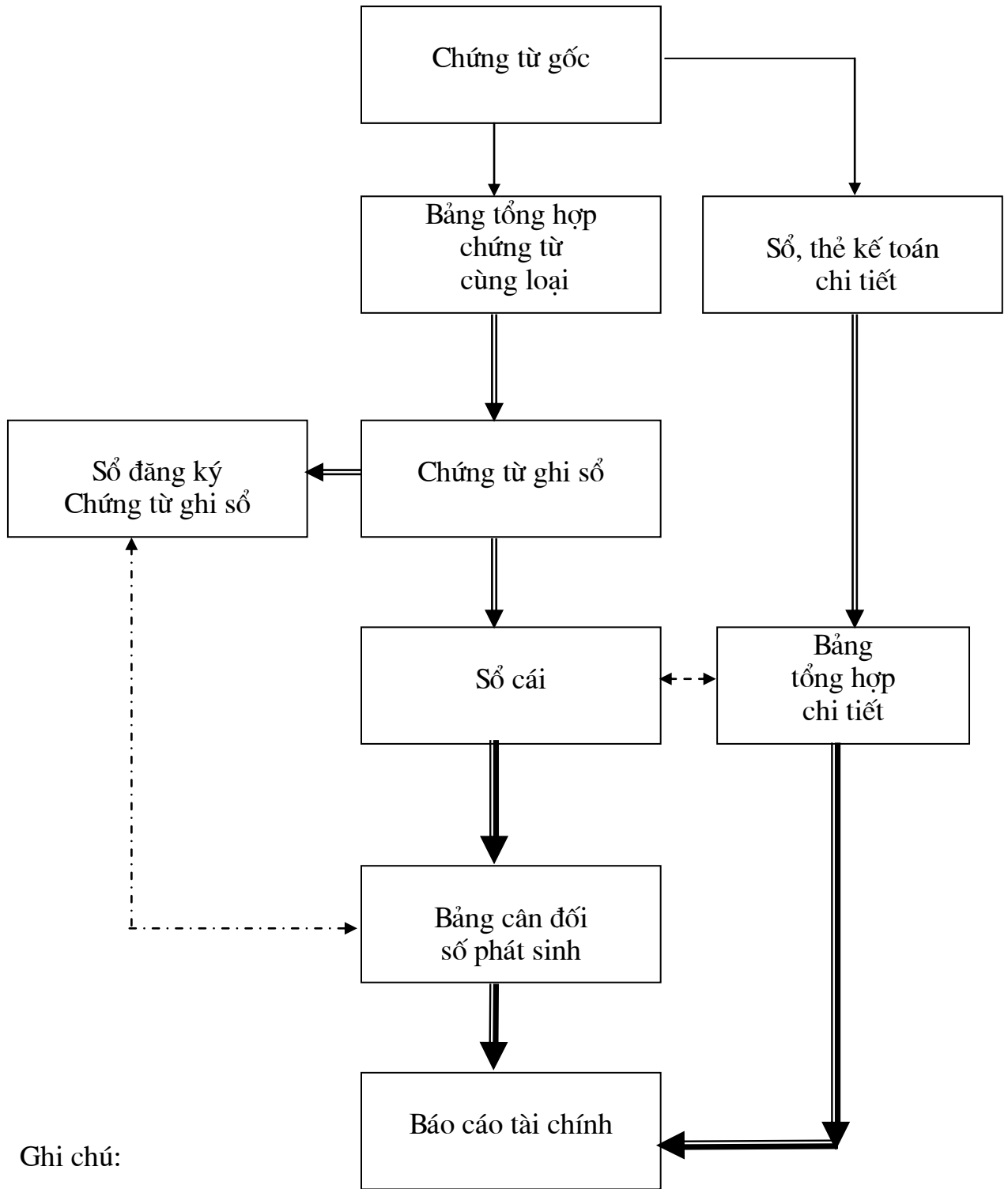
Trong chế độ kế toán ban hành theo QĐ15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính đã quy định rõ việc mở sổ, ghi chép, quản lý lưu trữ và bảo quản sổ kế toán. Còn việc tổ chức vận dụng thì mỗi doanh nghiệp áp dụng một hệ thống sổ sách cho một kỳ kế toán là khác nhau. Căn cứ vào hệ thống tài khoản, các chế độ thể lệ kế toán và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để mở sổ tổng hợp và sổ chi tiết.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

\* Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ ghi sổ theo hình thức này được thực hiện như sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối quý, năm

\* Hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách Công ty sử dụng.

Hệ thống tài khoản:

Theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 thì hệ thống TK Công ty cổ phần số 12 sử dụng gồm 86 TK tổng hợp trong bảng CĐKT và 6 TK ngoài bảng CĐKT. Về cơ bản hệ thống TK này nhất quán với hệ thống TK áp dụng trong công ty và theo thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 (đã sửa đổi). Để phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng, kế toán đã sử dụng một số TK chủ yếu sau để hạch toán NVL-CCDC tại doanh nghiệp.

TK loại 1 (tài sản ngắn hạn): gồm các TK 111, 112, 113, 128, 131, 133, 136, 138, 141, 142, 151, 152, 153, 154, 155. v.v.

TK loại 2 (tài sản dài hạn): gồm TK 211, 212, 213, 214, 221, 222, 228, 241. v.v.

TK loại 3 (nợ phải trả): gồm TK 311, 315, 331, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 341, 342. v.v.

TK loại 4 (vốn CSH): TK 411, 412, 414, 415, 418, 421, 431, 441, 461, 466. v.v.

TK loại 5 (doanh thu): TK 511, 521, 531, 532. v.v.

TK loại 6 (chi phí SXKD): gồm TK 611, 621, 622, 623, 627, 631, 632, 635, 641, 642. v.v.

TK loại 7 (thu nhập khác): TK 711.

TK loại 8 (chi phí khác): TK 811.

TK loại 9 (XĐKQKD): TK 911.

TK loại 0 (tài khoản ngoài bảng): gồm TK 001, 002, 004, 008. v.v.

Hệ thống sổ sách kế toán theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ quỹ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái, Sổ chi tiết chứng từ ghi sổ.

Sổ kế toán chi tiết gồm: sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Bảng biểu : Hệ thống sổ sách kế toán của DN.

STT	TÊN SỔ SÁCH	KÝ HIỆU
01	Chứng từ ghi sổ	S02a-DN
02	Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ	S02b-DN
03	Sổ cái	S03b-DN
04	Sổ quỹ tiền mặt	S07-DN
05	Sổ tiền gửi ngân hàng	S08-DN
06	Sổ chi tiết NVL-CCDC, SP, hàng hóa	S10-DN
07	Sổ tổng hợp chi tiết NVL-CCDC	S11-DN
08	Sổ kho	S12-DN
09	Sổ TSCĐ	S21-DN
10	Sổ theo dõi NVL-CCDC, TSCĐ tại công trình	S22-DN
11	Sổ chi tiết thanh toán với người bán	S31-DN
12	Sổ chi tiết tiền vay	S34-DN
13	Sổ chi tiết bán hàng	S35-DN
14	Sổ tính giá thành SP, dịch vụ	S37-DN
15	Sổ theo dõi nguồn vốn kinh doanh	S51-DN
16	Sổ chi phí đầu tư XD	S52-DN
17	Sổ theo dõi thuế GTGT	S61-DN
18	Sổ chi tiết thuế GTGT được hoàn lại	S62-DN
19	Sổ chi tiết thuế GTGT được miễn giảm	S63-DN
20	Bảng cân đối số P/S	S06-DN
21	Bảng cân đối kế toán	B01-DN
22	Báo cáo kết quả HĐSXKD	B02-DN

## **2.3. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 12**

### **2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **\* Nội dung:**

Doanh thu tại công ty xây dựng cổ phần số 12 chính là giá trị công trình trong hợp đồng xây dựng. Sau khi công trình có quyết toán hoặc hoàn thành, được bàn giao đưa vào sử dụng. Công ty xuất hóa đơn tài chính đồng thời tính doanh thu.

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng công trình dân dụng, công trình giao thông thủy lợi ... nên doanh thu của Công ty được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

\* Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau. Tùy thuộc vào bản chất của hợp đồng, các phương pháp đó có thể là:

- Tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

- Đánh giá phần công việc đã hoàn thành

- Tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng ...

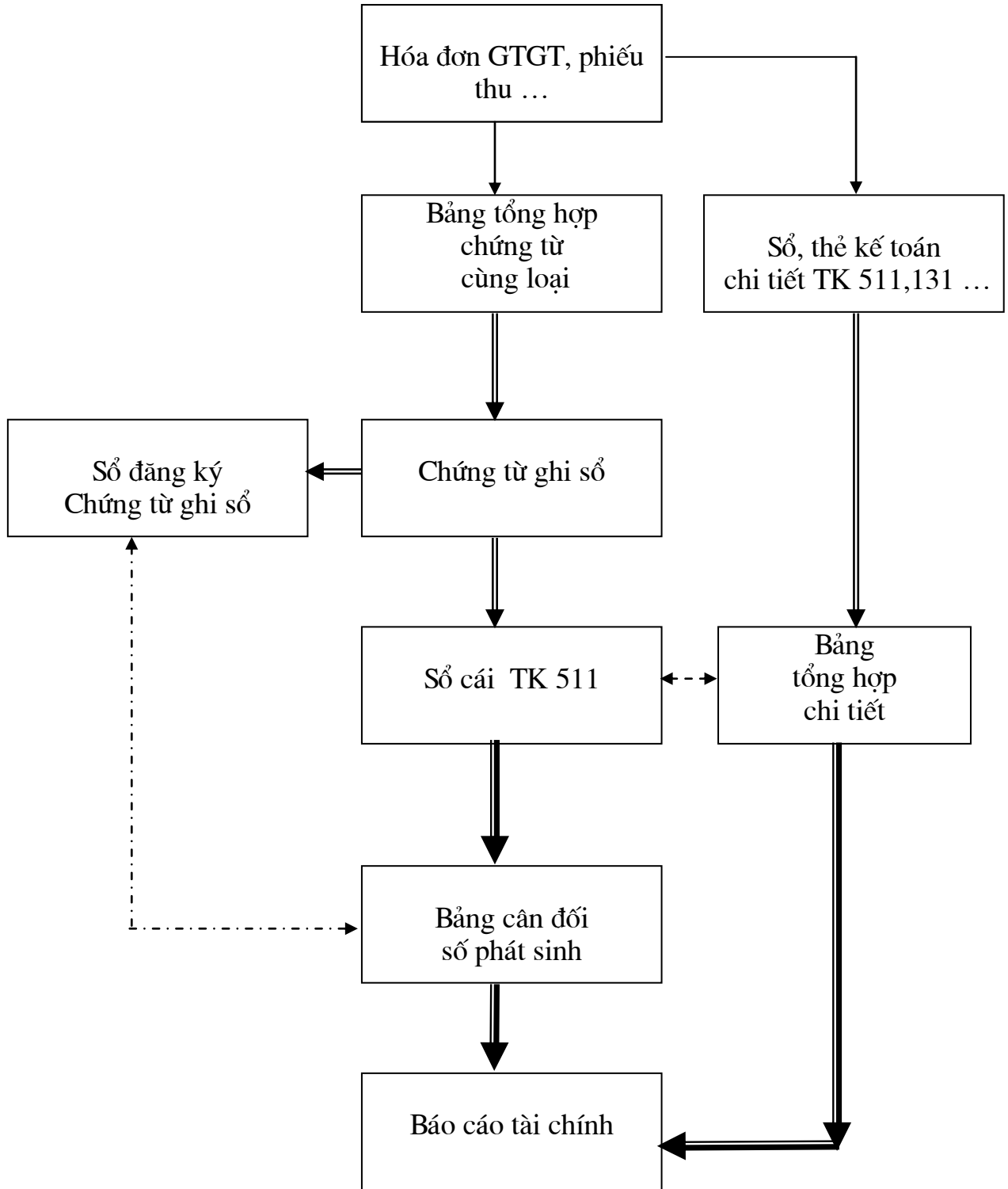
**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ


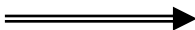
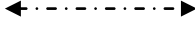

Tài khoản 511 có 4 TK cấp 2:

- + Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng
- + Tài khoản 5112 : Doanh thu công trình xây dựng
- + Tài khoản 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

**\* Quy trình hạch toán: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối tháng
-  Đối chiếu, kiểm tra
-  Ghi cuối quý, năm

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT ... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 511, ... Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511, 131, ...
- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

*Ví dụ : Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0005325 của Bộ tài chính ngày 02/12/2012 công ty đã hoàn thành bàn giao giai đoạn 2 công trình bệnh viện đa khoa An Dương theo HĐ kinh tế với tổng giá trị trên HĐ là : 4.803.617.118đ Bệnh viện đa khoa An Dương chưa thanh toán*



HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1:Lưu lại Ngày 02 tháng 12 năm 2012	Mẫu số: 01 GTKT-3LL KS/2012B 0005325																																				
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xây dựng số 12 Địa chỉ: Thị trấn An Dương – An Dương - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: 0200429318																																					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa An Dương Địa chỉ: An Dương - Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: MS:																																					
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 10%;">Thành tiền</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">A</th> <th style="text-align: center;">B</th> <th style="text-align: center;">C</th> <th style="text-align: center;">1</th> <th style="text-align: center;">2</th> <th style="text-align: center;">3=1x2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1,</td> <td>Thanh toán giai đoạn 2 công trình Bệnh viện An Dương</td> <td style="text-align: center;">m</td> <td style="text-align: center;">15.000</td> <td></td> <td style="text-align: right;">4.366.924.653đ</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right; padding-right: 20px;"><b>Cộng tiền hàng</b></td> <td style="text-align: right;"><b>4.366.924.653</b></td> </tr> <tr> <td colspan="3">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td colspan="2" style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT</td> <td style="text-align: right;">436.692.465</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><b>Tổng cộng tiền thanh toán</b></td> <td style="text-align: right;"><b>4.803.617.118</b></td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3=1x2	1,	Thanh toán giai đoạn 2 công trình Bệnh viện An Dương	m	15.000		4.366.924.653đ	<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>4.366.924.653</b>	Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		436.692.465	<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>4.803.617.118</b>	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																
A	B	C	1	2	3=1x2																																
1,	Thanh toán giai đoạn 2 công trình Bệnh viện An Dương	m	15.000		4.366.924.653đ																																
<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>4.366.924.653</b>																																
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		436.692.465																																
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>4.803.617.118</b>																																
Số tiền viết bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm linh ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn một trăm mười tám đồng.																																					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																																			

**Biểu 2.1**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ TK TK 131

Tháng 12 năm 2012

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	số tiền	Ghi nợ tài khoản 131 - ghi có các tài khoản khác			
Số	ngày			511	3331	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
HĐ 0005325	02/12	Phải thu BVĐK An Dương	4.803.617.118	4.366.924.653	436.692.465		
HĐ 0005343	05/12	Phải thu Cục dự trữ nhà nước khu vực Thái Bình	956.000.000	869.090.090	86.909.909		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>12.654.576.667</b>	<b>7.679.090.900</b>	<b>768.909.958</b>	.....	.....

Người ghi sổ  
( ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên )

**Biểu 2.2**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 61

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
..... .	.....	.....	.....	
Phải thu tiền công trình	131	511	7.679.090.900	
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	768.909.958	
.....	.....	.....	.....	
Tổng Cộng			12.654.576.667	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.3**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
....	...	....			
61	31/12	12.654.576.667	71	31/12	8.450.891.321
....	.....		...	...	.....
Cộng lũy kế từ đầu quý		315.670.176.290	Cộng lũy kế từ đầu quý		

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.4**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 511 – Doanh thu BH và cung cấp dv

Năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN		GHI CHÚ
	S H	NT			NỢ	CÓ	
			....		....	....	
31/12	58	31/12	Thu tiền công trình bằng tiền gửi ngân hàng	112		5.214.901.621	
31/12	61	31/12	Chưa thu tiền công trình	131		7.679.090.900	
			.....		.....		
31/12	91	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2012	911	38.714.097.903		
			Cộng phát sinh		38.714.097.903	38.714.097.903	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
( ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên )

### 2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

**\* Nội dung:**

Công ty cổ phần xây dựng số 12 là công ty kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi ... Vì vậy theo từng từng hạng mục, từng công trình có nhu cầu về NVL khác nhau. Khi xuất kho kế toán hạch toán và tính giá xuất kho. Trong các phương pháp tính giá NVL xuất kho thì Công ty sử dụng phương pháp tính giá đích danh. Theo phương pháp này NVL sẽ giữ giá từ lúc nhập đến lúc xuất ( nhập giá nào thì xuất giá đó).

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên các công trình doanh nghiệp thi công đều cần rất nhiều loại NVL với khối lượng khác nhau. Tuy nhiên cùng một lúc không thể cấp hết đầy đủ số lượng, chủng loại trong một lần mà còn tùy thuộc vào tiến độ thi công của công trình đến đâu.

Cán bộ kỹ thuật phụ trách trực tiếp tại công trình phải lên kế hoạch tập kết vật tư tại công trường để đảm bảo việc thi công diễn ra theo đúng tiến độ đề ra. Vì thế khi cần loại vật tư nào, khối lượng bao nhiêu thì cán bộ kỹ thuật phụ trách trực tiếp tại công trình sẽ viết giấy “Đề nghị cấp vật tư”

Sau khi viết phiếu đề nghị cấp vật tư, cán bộ kỹ thuật sẽ trình giám đốc duyệt, giám đốc căn cứ vào bảng kỹ thuật tính toán do phòng kỹ thuật đấu thầu lập và tình hình thực tế thi công tại công trường để ký duyệt đề nghị cấp vật tư. Sau đó lên phòng kế toán viết phiếu xuất kho.

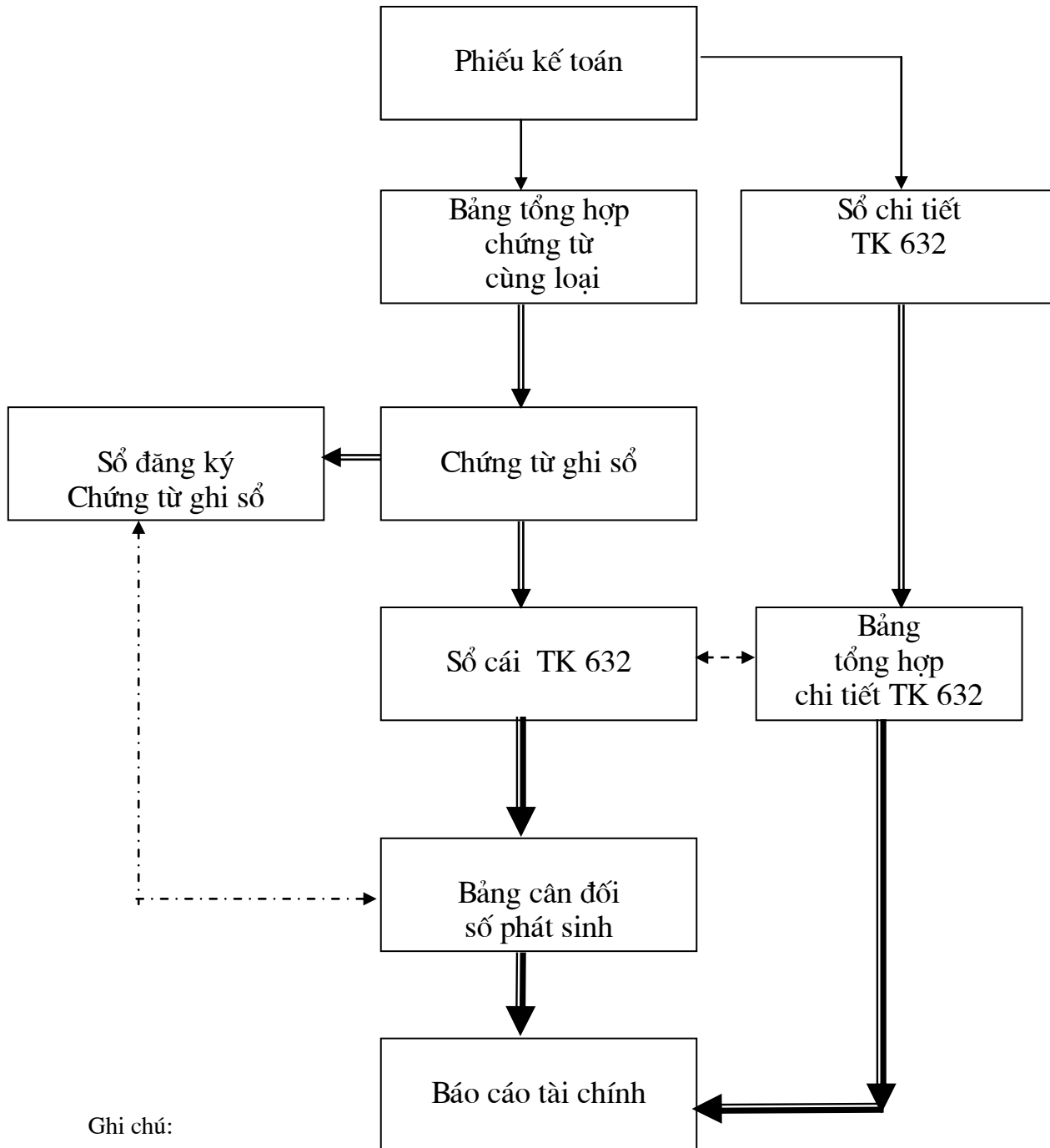
Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua và chi phí có liên quan đến việc thu mua.

**\* Chứng từ sử dụng:**

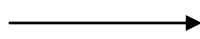

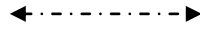

- Phiếu nhập kho, xuất kho
- HĐ GTGT, Phiếu thu, phiếu chi

**\* Tài khoản sử dụng:** TK 632 – Giá vốn hàng bán

**\* Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối tháng
-  Đối chiếu, kiểm tra
-  Ghi cuối quý, năm

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT ... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 632, ... Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632
- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

**Ví dụ: *Xuất vật tư cát đá cho công trình siêu thị An Dương***

Trong tháng 12/2012 công ty đã nhập các vật liệu xây dựng như cát, đá ... để phục vụ công trình với đơn giá cát: 272.727đ / m<sup>3</sup>, đá : 236.364 đ/ m<sup>3</sup>. Sau khi viết phiếu đề nghị cấp vật tư, cán bộ kỹ thuật sẽ trình giám đốc duyệt, giám đốc căn cứ vào bảng kỹ thuật tính toán do phòng kỹ thuật đấu thầu lập và tình hình thực tế thi công tại công trường để ký duyệt đề nghị cấp vật tư. Sau đó lên phòng kế toán viết phiếu xuất kho.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 580 kế toán tiến hành vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ dựa vào chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 632
- Cuối năm kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập BCTC năm.



**Biểu 2.5**

Đơn vị:CTCPXD số 12

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số:580

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ:An Dương

*Ngày 13 tháng 12 năm 2012*

Nợ:.....

QĐ:15/2006/QĐ/CĐKT

ngày 20 tháng 3 năm 2006

Có:.....

của Bộ Tài Chính

Họ tên người nhận hàng: Phạm Văn Tuấn.

Địa chỉ.: Cán bộ kỹ thuật công trình Siêu thị An Dương

Lý do xuất kho : Công trình Siêu thị An Dương

Xuất tại kho(ngăn lô): Siêu thị An Dương.

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
2,	Cát vàng		m <sup>3</sup>	34	34	272.727	9.272.718
3,	Đá 1x2		m <sup>3</sup>	30	30	236.364	7.090.920
	Cộng						16.363.638

*Ngày 13 tháng 12 năm 2012*

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Khi kế toán viết xong phiếu xuất kho cán bộ kỹ thuật sẽ cầm phiếu xuất đính kèm với đề nghị cấp vật tư xuống kho lấy loại vật tư có trong kho, còn một số loại vật tư không có sẵn trong kho sẽ chuyển phiếu xuất kho cho cán bộ vật tư có trách nhiệm mua đầy đủ chủng loại và số lượng vật tư trong phiếu để cung cấp cho công trình.

**Biểu 2.6**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 632

Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có TK 154
Số CT	ngày			
.....	.....	.....	.....	
PX 580	13/12	Giá vốn ct siêu thị An Dương	16.363.638	16.363.638
PX 581	14/12	Giá vốn ct trường học Nam Sơn	27.893.081	27.893.081
PX 582	14/12	Giá vốn ct Cục dữ trữ Thái Bình	39.901.467	39.901.467
	.....	.....	.....	
		Cộng	8.346.901.289	8.346.901.289

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
( ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên )

**Biểu 2.7**

Công ty CPXD số 12

Số CT: 77

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán	632	154	8.346.901.289	
Cộng			8.346.901.289	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.8**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
....	...	....			
77	31/12	8.346.901.289	...	....	
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		315.670.176.290

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.9**

**SỔ CÁI**  
 Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán  
 Năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN		GHI CHÚ
	S H	NT			NỢ	CÓ	
			....		....	....	
31/10	42	31/10	Giá vốn hàng bán tháng 10	154	5.893.568.091		
31/11	66	31/11	Giá vốn hàng bán tháng 11	154	6.012.356.890		
31/12	77	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12	154	8.346.901.289	8.346.901.289	
31/12	92	31/12	Kết chuyển giá vốn năm 2012	911		34.726.116.000	
			Cộng phát sinh		34.726.116.000	34.726.116.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

### 2.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

#### \* Nội dung:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp để góp phần tăng lợi nhuận

#### \* Chứng từ sử dụng:

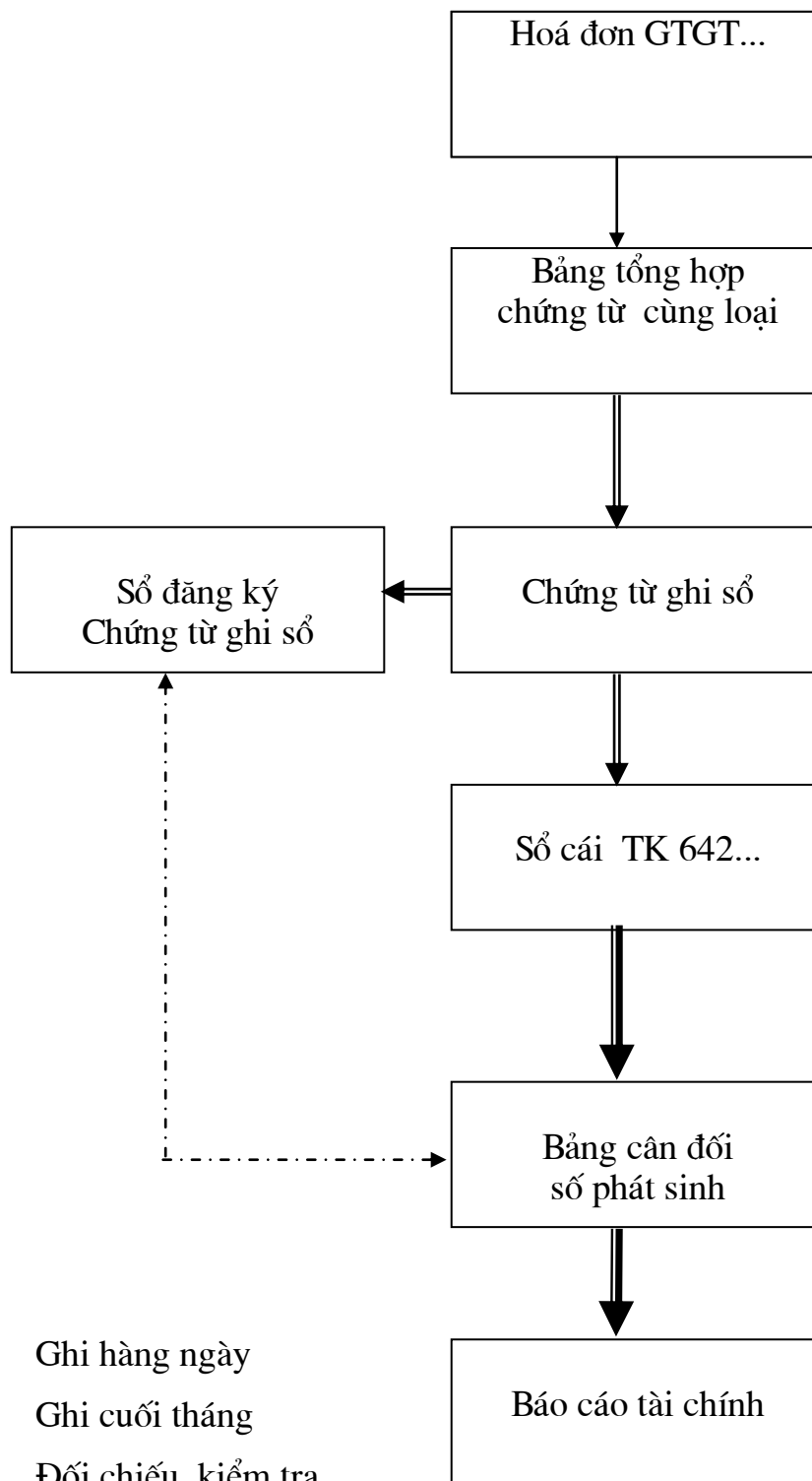
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ KH TSCĐ
- Hóa đơn GTGT, giấy bảo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### \* TK sử dụng

- TK 642 -Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### \* Quy trình hạch toán:

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, phiếu xuất, chi, HĐ GTGT ... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và vào sổ cái TK 642.
- Cuối kỳ từ sổ cái TK 642 làm căn cứ lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập ra BCTC cuối năm.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- .-> Đối chiếu, kiểm tra
- ==> Ghi cuối quý, năm

Ví dụ: *Ngày 10/12/2012 chi 10.000.000 đồng tiếp khách cho Giám đốc tài chính bằng tiền mặt*

- Căn cứ vào phiếu chi 678 kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết TK lập các CTGS liên quan từ đó vào sổ đăng kí CTGS và vào sổ cái TK 642
- Cuối kỳ, từ sổ cái lập bảng cân đối số PS và lập BCTC.

**Biểu 2.10**

Công ty CPXD số	<b>PHIẾU CHI</b>	Quyển số :	Mẫu số 02-
12	Ngày 19 tháng 12	18	TT(ban hành theo
Bộ phận : Kế toán	năm 2012	Số : 678	QĐ số 15/2006-
TV		Nợ : 642	QĐ-BTC ngày
		Có : 111	20/3/2006 của Bộ
			trưởng BTC)

Họ, tên người nhận tiền: Trần Việt Hạ

Địa chỉ: *Phòng tài chính*

Lý do chi : *chi phí tiếp khách*

Số tiền: *10.000.000 đồng (viết bằng chữ: mười triệu đồng chẵn)*

Kèm theo : *chứng từ gốc*

Giám đốc (ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Người nhận (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
--------------------------------	-----------------------------------	---------------------------	----------------------------	-------------------------

**Biểu 2.11**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi có TK 111

Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có tài khoản 111-ghi nợ các tài khoản khác			
Số	ngày			141	112	642	.....
.....	.....	.....	.....				
PC404	09/12	Chi tạm ứng	15.000.000	15.000.000			
PC410	10/12	Rút tiền mặt nhập quỹ tiền gửi	200.000.000		200.000.000		
PC678	19/12	Chi phí trả bằng TM	10.000.000			10.000.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.986.766.378</b>	<b>115.654.946</b>	<b>750.000.000</b>	<b>178.091.245</b>	

Người ghi sổ  
( ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên )



**Biểu 2.12**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Số: 57

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....	.....	.....	.....	
Chi tạm ứng	141	111	115.654.900	
Rút TM nhập quỹ TGNH	112	111	750.000.000	
Chi phí thanh toán bằng TM	642	111	178.091.245	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			1.986.766.378	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.13**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng		
....	...	....	....	....	....	
56	31/12	2.605.560.000	57	31/12	1.986.257.901	
.....	.....	.....	...			
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		315.670.176.290	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên )

**Biểu 2.14**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN		GH I CH Ú
	S H	NT			NỢ	CÓ	
			....		....	....	
31/1 2	52	31/1 2	Thanh toán tiền lương cho nhân viên tháng 12/2012	334	95.213.000		
31/1 2	57	31/1 2	Chi thanh toán bằng TM	111	178.091.245		
....	...	.....	.....		.....		
31/1 2	93	31/1 2	Kết chuyển CP năm 2012	911		1.881.688.162	
			Cộng phát sinh		1.881.688.162	1.881.688.162	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

### **2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**\* Nội dung:**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

**\* Chứng từ sử dụng:**

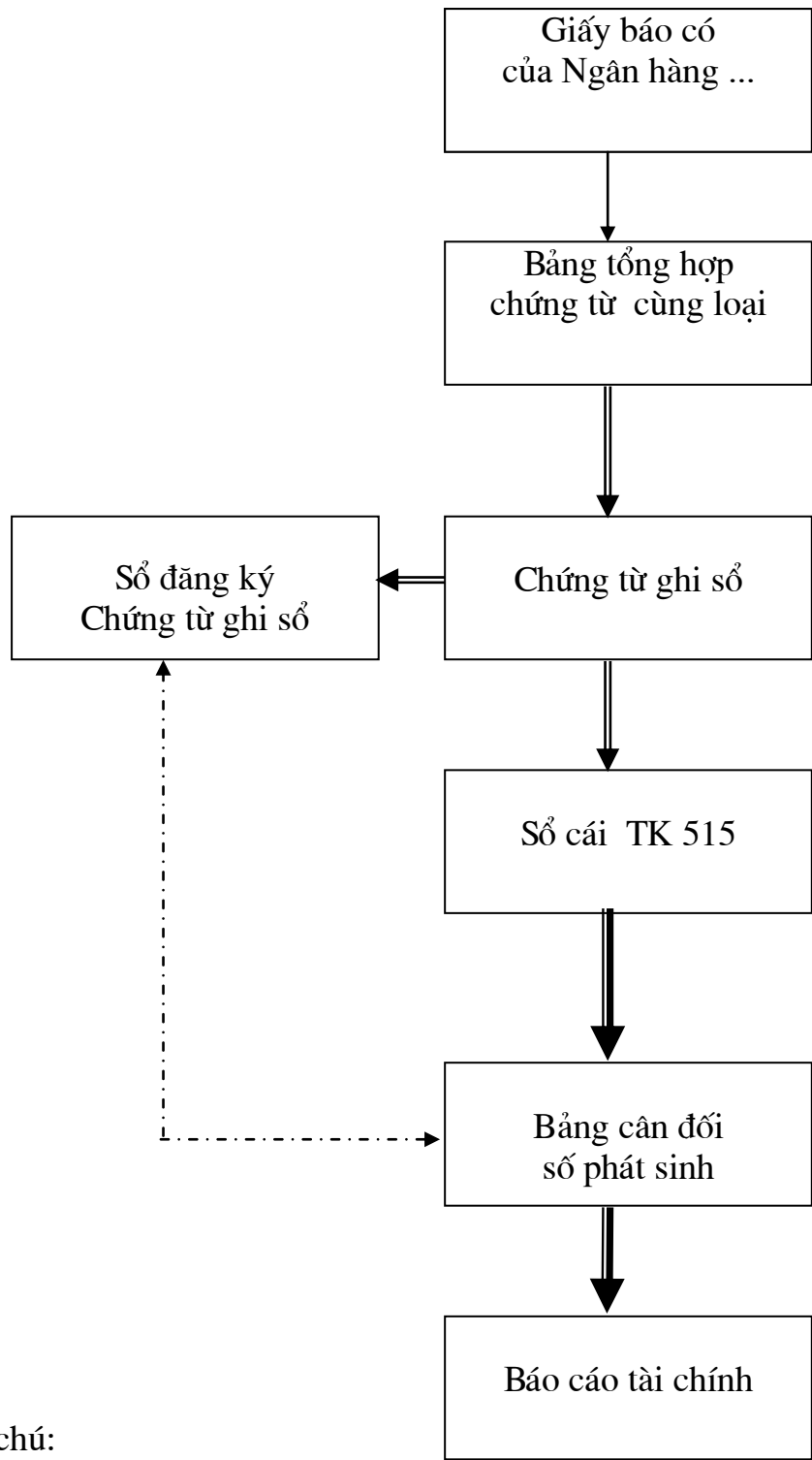
- Giấy báo có của ngân hàng
- Sổ phụ
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

**\* Quy trình hạch toán:**

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, phiếu xuất, chi, HĐ GTGT ... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS. Từ CTGS vào sổ đăng kí CTGS và vào sổ cái TK 515.
- Cuối kỳ từ sổ cái TK 515 làm căn cứ lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập ra BCTC cuối năm.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-.-> Đối chiếu, kiểm tra
- ==> Ghi cuối quý, năm

***Ví dụ: Ngày 06/12 ngân hàng Vietinbank thông báo nhận lãi tiền gửi tháng 11/2012. Số tiền 14.769.012đ.***

- Căn cứ vào sổ phụ ngày 06/12/2012 của ngân hàng Vietinbank, kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS. Từ CTGS vào sổ đăng kí CTGS và vào sổ cái TK 515.
- Cuối kỳ từ sổ cái TK 515 làm căn cứ lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập ra BCTC cuối năm.

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

VietinBank

Sổ Phụ

Ngày 06/12/2012

Sổ chi tiết tài khoản

Statement of Account For

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Số tài khoản: 7014579000897

A/C No.

Loại TK/ Loại Tiền: VND

Số dư đầu ngày 06/12/2012: 1.879.246.087

Opening Balance as of

Số CT	Ngày GD	Ngày H.Luc	Loai GD	Số Séc/ref	PS Nợ	PS Có	Nội dung
Seq.No	Tran Date	Effect Da	Tran	Cheque No./Ref	Withdrawal	Deposit	Remarks

17326512	06/11/1012	06/12/2012	IR	00002256	0.00	14.769.012	Lãi tiền gửi
----------	------------	------------	----	----------	------	------------	--------------

Doanh số giao dịch:

0.00

14.769.012

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 06/12/2012 : 1.904.015.099

Ending Balance as of

**Biểu 2.15**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ TK TK112

Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ tài khoản 112 -ghi có các tài khoản khác			
Số	ngày			131	515	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
...	.						
GBC51	05/12	Cục dự trữ Nhà nước khu vực Thái Bình trả tiền xây dựng công trình	950.344.900	950.344.900			
GBC54	06/12	Nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng	14.769.012		14.769.012		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng	4.654.576.667	3.624.876.667	24.576.707	.....	.....

**Biểu 2.16**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 58

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....	.....	.....	.....	
Thu tiền xây dựng công trình	112	131	3.624.876.667	
Nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	24.576.707	
.....	.....	.....	.....	
<b>Tổng Cộng</b>			<b>4.654.576.667</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)



**Biểu 2.17**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN		G HI C H Ú
	S H	NT			NỢ	CÓ	
			....		....	....	
31/10	33	31/10	Lãi tiền gửi NH tháng 10	112		43.197.011	
31/11	39	31/11	Lãi tiền gửi NH tháng 11	112		17.903.597	
31/12	58	31/12	Lãi tiền gửi NH tháng 12	112		24.576.707	
31/12	94	31/12	Kết chuyển DT HĐTC năm 2012	911	327.950.400		
			Cộng phát sinh		327.950.400	327.950.400	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.18**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng		
....	...	....	....	....	....	
58	31/12	4.654.576.667	66	31/12	1.986.257.901	
....	.....	.....	....			
Cộng lũy kế từ đầu kỳ			Cộng lũy kế từ đầu kỳ		315.670.176.290	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

### **2.3.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác**

**\* Nội dung:**

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như chi phí khác của công ty cũng chỉ là con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý

**\* Chứng từ sử dụng:**

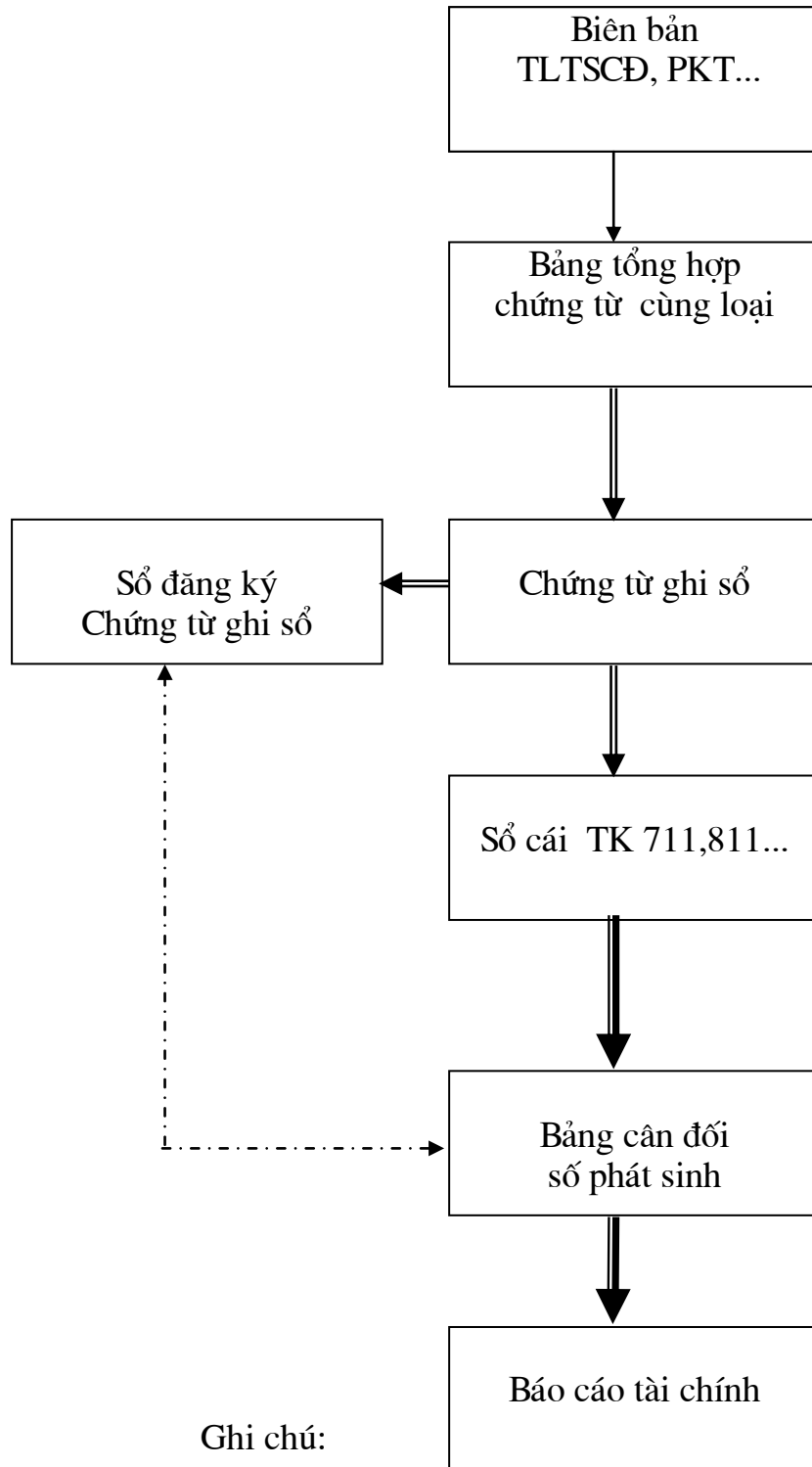
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu thu, phiếu chi và các hóa đơn liên quan.

**\* TK sử dụng:**

- TK 711 - Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

**\* Quy trình hạch toán:**

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như biên bản thanh lý, phiếu thu, chi ... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và vào sổ cái TK 711, 811.
- Cuối kỳ từ sổ cái TK 711, 811 làm căn cứ lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập ra BCTC cuối năm.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối quý, năm

Ví dụ:

- Ngày 06/12 công ty thanh lý một máy xúc đào bánh lốp với nguyên giá 323.809.524đ, đã khấu hao 185.323.000, số tiền thu được từ thanh lý là 110.987.000, VAT 10%

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

An D- ơng, ngày 04 tháng 12 năm 2012

### QUYẾT ĐỊNH

#### VỀ VIỆC THANH LÝ TÀI SẢN

- Căn cứ điều 6 luật doanh nghiệp nhà n- ớc ban hành ngày 30/4/1995, điều 18 nghị định 59/CP ngày 3/10/1996 của chính phủ quy định quyền chuyển nh- ợng, thanh lý tài sản cố định thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.
- Căn cứ cuộc họp giao ban các cán bộ chủ chốt của công ty cổ phần xây dựng số 12 ngày tháng 06 năm 03 về việc thanh lý tài sản cố định.
- Xét đề nghị của bà tr- ờng phòng tổng hợp công ty.

Máy xúc đào bánh lốp

Điều 1: Nay thanh lý tài sản cố định (Thuộc nhóm F– Danh mục TSCĐ) do không sử dụng đ- ợc để thu hồi bổ xung vốn l- u động của công ty.

Điều 2: Thành lập ban quản lý tài sản gồm:

1. Ông: Nguyễn Khắc Lịch Tổng Giám đốc

2. Bà: Trần Việt Hạ Kế toán tr- ờng

Ban thanh lý tài sản có nhiệm vụ tổ chức định giá tài sản và lập biên bản thanh lý tài sản cố định.

Điều 3: Các ông (Bà) tr- ờng phòng, đội tr- ờng thi công và các ông (Bà) có tên trên căn cứ quyết định thi hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Mẫu số 03-TSCĐ  
Ban hành theo QĐ số 1141-TC/QĐ  
Ngày 1 tháng 11 năm 1995 của BTC

**BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  
Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Căn cứ quyết định số 33 ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc công ty Cổ Phần xây dựng số 12 về việc thanh lý TSCĐ.

**I – Ban thanh lý tài sản cố định gồm:**

Ông(bà) : Nguyễn Khắc Lịch                      Đại diện.....Trưởng ban.  
Ông(bà) : Trần Việt Hạ                              Đại diện.....Ủy viên.

**II – Tiến hành thanh lý TSCĐ**

Tên TSCĐ: Máy xúc đào bánh lốp  
Số hiệu TSCĐ: GL                                      Năm sản xuất: 2002  
N- ớc sản xuất ( Xây dựng): VN  
Năm đ- a vào sử dụng : 2003                      Số thẻ TSCĐ: 27  
Nguyên giá TSCĐ: 323.809.524  
Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 185.323.000  
Giá trị còn lại của TSCĐ: 138.486.524

**III – Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:**

.....  
.....  
.....

Ngày 06 tháng 12 năm 2012.  
Tr- ởng ban thanh lý

**IV – Kết quả thanh lý TSCĐ**

Chi phí thanh lý TSCĐ:  
Giá trị thu hồi: 110.987.800  
Đã ghi giảm ( số) thẻ TSCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2012 .

Thủ tr- ởng đơn vị

Ngày 06 tháng 12 năm 2012  
Kế toán tr- ởng

**Biểu 2.19**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi có TK 211

Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	số tiền	Ghi có tài khoản 211 - ghi nợ các tài khoản khác	
Số	ngày			214	811
BBTL 22	06/12	Thanh lí máy xúc đào bánh lốp, giá trị hao mòn	185.323.000	185.323.000	
	06/03	Giá trị còn lại	138.486.524		138.486.524
		Tổng cộng	323.809.524	185.323.000	138.486.524

Người ghi sổ  
( ký. họ tên )

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên )

**Biểu 2.20**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Số: 65

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thanh lý TSCĐ	214	211	185.323.000	
Giá trị còn lại	811	211	138.486.524	
Cộng			323.809.524	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (ký, họ tên)

**Biểu 2.21**

**SỔ CÁI**  
 TK 811: CHI PHÍ KHÁC  
 Năm 2012

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN		GHI CHÚ
	S H	NT			NỢ	CÓ	
			Số phát sinh				
31/12	65	31/12	Thanh lý TSCĐ	211	138.486.524		
31/12	95	31/12	K/c chi phí khác	911		138.486.524	
			Cộng		138.486.524	138.486.524	

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (ký, họ tên)

**Biểu 2.22**



Công ty CP xây dựng  
số 12

**PHIẾU THU**  
Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Quyển số:  
02  
Số : 176  
Nợ: 111  
Có: 711

Mẫu số 01-TT  
QĐ số :  
15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3  
năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ  
Tài Chính

Họ tên người nộp tiền: Trần Văn Tuấn

Địa chỉ: *Phòng vật tư*

Lý do nộp : *Thu tiền thanh lí TSCĐ*

Số tiền 110.987.800      Viết bằng chữ:

*Một trăm mười một triệu chín trăm tám bảy nghìn tám trăm đồng*

Kèm theo :      chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền : *Một trăm mười một triệu chín trăm tám bảy nghìn tám trăm đồng*

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị      Kế toán trưởng      Thủ quỹ      Người nộp tiền      Người lập phiếu

**Biểu 2.23**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 111

Tháng 12 năm 2012

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ tài khoản 111-ghi có các tài khoản khác				
Số	ngày			131	112	711	3331	...
.....	.....	.....	.....					
PT 170	05/12	BVĐK An Dương trả nợ	105.600.000	105.600.000				
PT 171	06/12	Rút tiền gửi nộp quỹ	600.000.000		60.000.000			
PT 176	06/12	Thanh lý TSCĐ	110.987.800			100.898.000	10.089.800	
		.....	.....	.....	.....			...
		<b>Cộng</b>	<b>2.605.560.813</b>	<b>980.567.987</b>	<b>675.980.000</b>	<b>100.898.000</b>	<b>167.789.913</b>	

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.24**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 56

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Góp vốn cổ phần	111	411	220.000.000	
Thu nhập khác bằng TM	111	711	100.898.000	
Thuế GTGT nộp bằng TM	111	3331	167.789.913	
.....			.....	.
<b>Cộng</b>			<b>2.605.560.813</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

( ký, họ tên )

( ký, họ tên )

**Biểu 2.25**

**SỔ CÁI**

TK 711: THU NHẬP KHÁC

Năm 2012

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN		GHI CHÚ
	S H	NT			NỢ	CÓ	
			Số phát sinh				
31/1 2	56	31/1 2	Thu nhập khác bằng TM	111		100.898.000	
31/1 2	96	31/1 2	K/c doanh thu HĐTC	911	100.898.00 0		
			<b>Cộng</b>		100.898.00 0	100.898.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

( ký, họ tên )

( ký, họ tên )

**Biểu 2.26**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng		
....	...	....	....	....	....	
56	31/12	2.605.560.813	57	31/12	1.986.257.901	
....	.....	.....				
Cộng lũy kế từ đầu kỳ			Cộng lũy kế từ đầu kỳ		315.670.176.290	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên )

### 2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

**\* Nội dung:**

Cuối tháng kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản có liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{từ hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{gộp từ hoạt} \\ \text{động kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{+ hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

**\* Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán

**\* TK sử dụng:** TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

**\* Quy trình hạch toán:**

- Phương pháp xác định kết quả kinh doanh ở công ty:

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{doanh thu bán hàng} - \text{các khoản giảm trừ} \\ &= 38.714.097.903 - 0 \\ &= 38.714.097.903 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{doanh thu thuần} - \text{giá vốn hàng bán} \\ &= 38.714.097.903 - 34.726.116.000 \\ &= 3.987.981.903 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{DT tài chính} &= \text{doanh thu HĐ tài chính} \\ &= 327.950.400 \end{aligned}$$

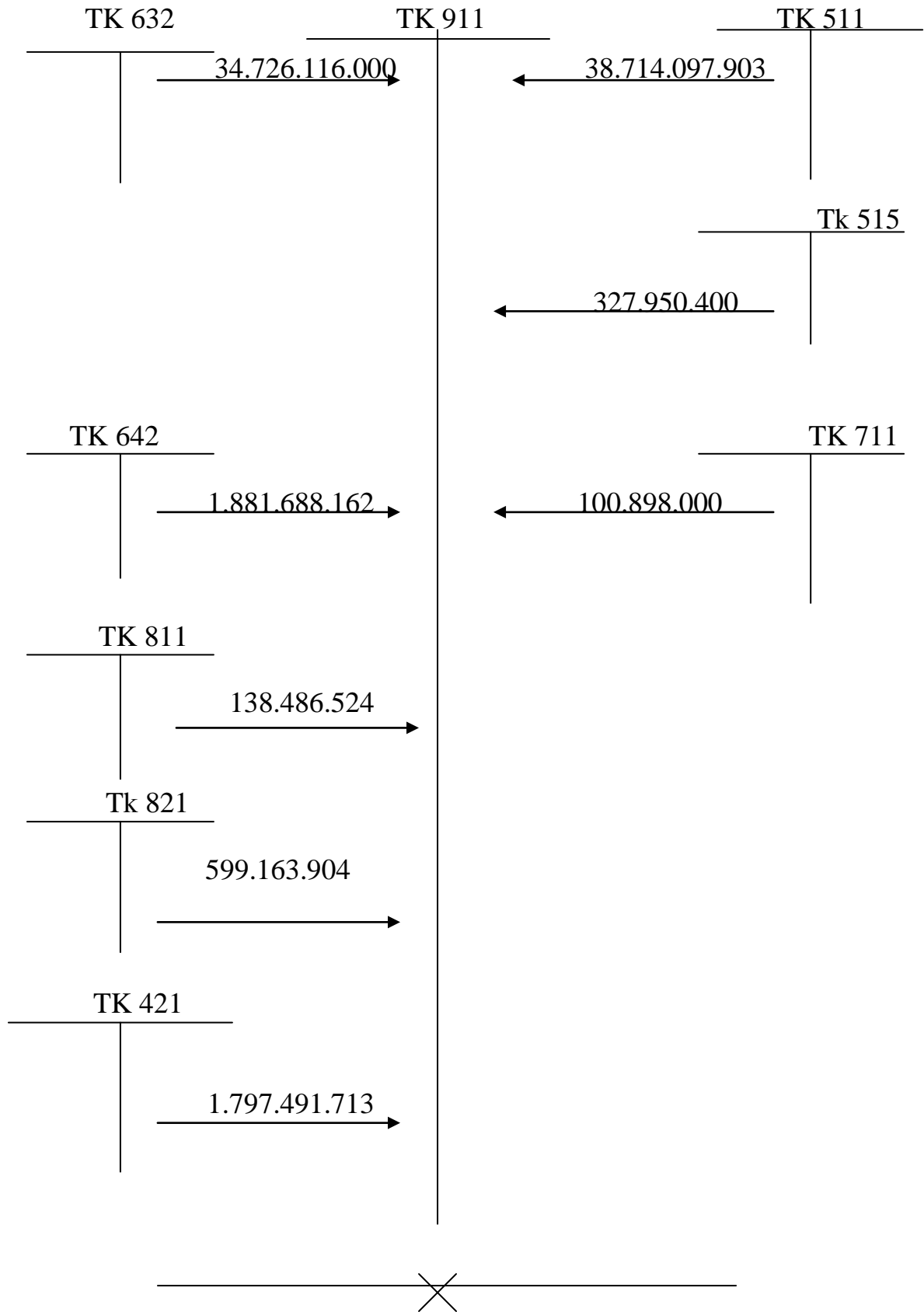
$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận tài chính} &= \text{doanh thu tài chính} - \text{chi phí tài chính} \\ &= 327.950.400 - 0 \\ &= 327.950.400 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận từ HĐKD} &= \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Lợi nhuận tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \\ &\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp.} \\ &= 3.987.981.903 + 327.950.400 - 1.881.688.162 \\ &= 2.434.244.141 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận khác} &= \text{doanh thu khác} - \text{chi phí khác} \\ &= 100.898.000 - 138.486.524 \\ &= (37.588.524)\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác} \\ &= 2.434.244.141 + (37.588.524) \\ &= 2.396.655.617\end{aligned}$$

\* Sơ đồ hạch toán



Ví dụ : Ngày 31/12 Kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2012

- Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các Phiếu kế toán 311 - kết chuyển doanh thu, Phiếu kế toán số 312 - kết chuyển chi phí, giá vốn, từ phiếu kế toán 311, 312 làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 911

**Biểu 2.26**

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 311

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		38.714.097.903	
Doanh thu hoạt động tài chính	515		327.950.400	
Thu nhập khác	711		100.898.000	
K/c doanh thu xác định KQKD	911			39.142.946.303
Cộng			39.142.946.303	39.142.946.303

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)



**Biểu 2.27****CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 96

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu hàng bán	511	911	38.714.097.903	
K/c doanh thu hoạt động tc	515	911	327.950.400	
K/c doanh thu khác	711	911	100.898.000	
Tổng Cộng			39.142.946.303	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.28**

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 312

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Giá vốn hàng bán	632			34.726.116.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642			1.881.688.162
Chi phí khác	811			138.486.524
Chi phí Thuế TNDN	821			599.163.904
Lợi nhuận sau thuế	421			1.797.491.713
K/c chi phí xác định KQKD	911		39.142.946.303	
Cộng			39.142.946.303	39.142.946.303

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.29**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 95

Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán	911	632	34.726.116.000	
K/c chi phí quản lý	911	642	1.881.688.162	
K/c chi phí khác	911	811	138.486.524	
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	599.163.904	
K/c LNST	911	421	1.797.491.713	
Tổng Cộng			39.142.946.303	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.30**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	CTGS		DIỄN GIẢI	SH TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	S H	NT			NỢ	CÓ
31/12	95	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	34.726.116.000	
			K/c chi phí quản lý	642	1.881.688.162	
			K/c chi phí khác	811	138.486.524	
			K/c chi phí TTNDN	821	599.163.904	
			K/c LNST	421	1.797.491.713	
31/12	96	31/12	K/c DT bán hàng	511		38.714.097.903
			K/c DT hoạt động tc	515		327.950.400
			K/c thu nhập khác	711		100.898.000
			Cộng phát sinh		39.142.946.303	39.142.946.303

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên )

**Biểu 2.31**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng		
....	...	....	....	....	....	
95	31/12	39.142.946.303	96	31/12	39.142.946.303	
....	.....	.....	....			
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		315.670.176.290	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Mẫu số: B 02--DN  
(Ban hành theo QĐ  
số:15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ TC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	38.714.097.903	35.178.239.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		38.714.097.903	35.178.239.732
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	34.726.116.000	31.020.517.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.987.981.903	4.157.722.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	327.950.400	272.105.426
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	-	56.813.754
- Trong đó: Chi phí lãi vay:	22		-	56.813.754
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.881.688.162	2.126.792.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.434.244.141	2.246.221.706
11. Thu nhập khác	31		100.898.000	-
12. Chi phí khác	32		138.486.524	2.395.866
13. Lợi nhuận khác	40		(37.588.524)	(2.395.866)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		2.396.655.617	2.243.825.840
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	599.163.904	560.956.460
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.797.491.713	1.682.869.380
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **3.1. NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN**

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn này việc củng cố, hoàn thiện hơn hệ thống kế toán là vô cùng quan trọng. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.
- Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc

### **3.2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 12**

Trong những năm qua với phong cách làm việc chuyên nghiệp, đổi mới chuyên sâu tiến vững chắc trong từng bước đi với khẩu hiệu uy tín – chất lượng – hiệu quả với sự nỗ lực của hơn 200 cán bộ công nhân viên công ty luôn đạt được thành tích đáng kể. Sản xuất kinh doanh với sản lượng năm sau cao hơn năm trước từ 1,2 đến 2 lần. Hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Đời sống cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo việc làm ổn định. Liên tục củng cố, đào tạo lực lượng cán bộ công nhân trẻ thành theo năm tháng. Nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, đem lại

lợi nhuận cho các cổ đông tích cực tham gia công tác xã hội đóng góp một phần nhỏ bé vào công cuộc đổi mới của đất nước.

Đạt được sự phát triển như vậy là nhờ vào sự nỗ lực của toàn thể công ty, của bộ phận lãnh đạo, bộ phận kinh doanh, ... và đóng góp không nhỏ trong sự thành công đó là vai trò của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức, phân công lao động hợp lý, đảm nhiệm tốt việc phản ánh và giám đốc các nghiệp vụ kinh tế diễn ra thường xuyên, liên tục trong công ty. Công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả làm việc của toàn bộ công ty.

Thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 12 đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán của công ty như sau:

### **3.2.1. Những ưu điểm:**

#### **\* Về bộ máy kế toán**

Cùng với sự phát triển chung của công tác quản lý, bộ máy kế toán đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý hạch toán của công ty. Nhìn chung, bộ máy kế toán của đơn vị đã thực hiện khá tốt chức năng của mình như: cung cấp thông tin, phản ánh khá trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của các chủ thể liên quan.

Công ty tổ chức kế toán theo mô hình kế toán tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh đều được tập trung xử lý tại phòng kế toán công ty. Điều này sẽ giúp cho công tác quản lý đơn giản và dễ dàng hơn. Mặt khác, các cán bộ phòng kế toán đều là những người có trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc nên phòng kế toán luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cung cấp thông tin một cách thường xuyên, liên tục giúp ban lãnh đạo đánh giá được chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị trong bất kỳ thời điểm nào một cách nhanh chóng, từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh kịp thời và hiệu quả.



**\* Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ phù hợp với quy mô, loại hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, việc ứng dụng máy tính vào phục vụ công tác hạch toán đã tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức cho các nhân viên kế toán mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin kế toán tài chính, kế toán quản trị, kịp thời đưa ra các thông tin hữu dụng đối với yêu cầu quản lý chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

**\* Về hệ thống chứng từ kế toán**

Chứng từ kế toán là căn cứ để ghi sổ kế toán, là cơ sở pháp lý của sổ liệu kế toán. Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đầy đủ, chặt chẽ theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo tính chính xác, hợp lý khi phản ánh mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để xác định kết quả kinh doanh, bộ phận kế toán sử dụng các chứng từ như: Hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, phiếu kế toán (chứng từ tự lập cho từng nghiệp vụ kế toán). Công tác lập, luân chuyển và bảo quản lưu giữ chứng từ đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, chứng từ luôn có đầy đủ nội dung, chữ ký của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu thực tế, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan đến việc tiêu thụ hàng hoá. Việc sắp xếp chứng từ khoa học khiến cho quá trình tra cứu sổ liệu kế toán dễ lên sổ sách, tiến hành xác định kết quả kinh doanh khá nhanh chóng và thuận tiện

**\* Hệ thống tài khoản sử dụng**

Hệ thống tài khoản mà công ty áp dụng để xác định kết quả kinh doanh đều đúng theo quy định được Bộ Tài chính ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC. Các TK được chi tiết đã đảm bảo được yêu cầu quản lý, đảm bảo cung cấp các thông tin phù hợp cho từng đối tượng và phục vụ cho việc lập các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của đơn vị.

**\* Về phương pháp kế toán**

- Kế toán tại công ty đã vận dụng các nguyên tắc kế toán như: cơ sở dồn tích, nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc phù hợp... trong hạch toán nói chung và trong ghi nhận doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Phương pháp hạch toán: công ty đã thực hiện tương đối chính xác, phù hợp với chế độ kế toán cũng như đặc điểm hoạt động kinh doanh của đơn vị

- Công ty đánh giá tài sản cố định là đánh giá theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại, tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, là hợp lý và phù hợp với quy mô tài sản cố định của công ty vì phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ tính toán giúp cho việc hạch toán.

- Áp dụng nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh theo đúng quy định, công ty xác định kết quả kinh doanh vào cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí lên TK 911 để xác định kinh doanh, cụ thể cho từng bộ phận kinh doanh trong công ty. Điều này có ý nghĩa lớn và là công cụ hữu hiệu đối với công tác điều hành của hội đồng quản trị theo dõi tài sản cố định được dễ dàng, thuận tiện.

- Hệ thống sổ sách, chứng từ tương đối hoàn chỉnh và được sắp xếp khoa học giúp cho quá trình hạch toán sau này có thể duy trì trạng thái ổn định

=> Tóm lại, công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán kết quả kinh doanh nói riêng nhìn chung đã tuân thủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành quy định về mở sổ kế toán, ghi chép vào sổ và sử dụng các chứng từ liên quan... để đảm bảo các số liệu kế toán luôn được phản ánh chính xác, nhanh chóng và kịp thời, góp phần giúp các nhà quản trị công ty trong việc hoạch định chính sách kinh doanh trong thời gian tới.

**3.2.2 Những tồn tại:**

Mặc dù đã cố gắng, cải tiến tích cực như vậy song công tác kế toán ở Công ty vẫn tồn tại một số nhược điểm bất cập cụ thể sau:

**\* Về bộ máy kế toán**

Trình độ của cán bộ, nhân viên trong phòng kế toán nhìn chung khá cao nhưng

hầu hết là những người còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp nên việc xử lý số liệu còn chậm và đôi khi còn mắc sai sót.

Tuy bộ phận kế toán đã có nhiều cố gắng nhưng do khối lượng công việc lớn, công việc kế toán tại một công ty vừa sản xuất, vừa xây lắp, các loại hình kinh doanh cũng đa dạng. Nhân viên kế toán phải đảm nhận nhiều phần hành kế toán khác nhau.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung là khó có thể giám sát được tình hình thực tế từng công trình xây dựng hay dự án tư vấn đang thi công

### **\*Về tổ chức hạch toán**

Hệ thống chứng từ và vận dụng chứng từ tại công ty luôn được thực hiện theo đúng yêu cầu quy định, tuy nhiên việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban và bộ phận còn chậm làm ảnh hưởng đến việc xử lý và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cụ thể: khi các bộ phận khác mua vật tư, hàng hóa, cũng như khi phát sinh các chi phí mua ngoài cho các công trình xây dựng thì khâu chuyển các chứng từ nhiều lúc còn chậm chễ. Do đó, gây rất nhiều khó khăn trong hạch toán một cách chính xác kịp thời, cũng như xác định kết quả kinh doanh.

### **\* Về sổ kế toán**

Công ty hoạt động kinh doanh đa dạng và phong phú, nhưng kế toán chỉ ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Cái các TK 511, 632...theo nhóm ngành kinh doanh

Ví dụ: TK 632 : Giá vốn hàng bán

TK 6321: giá vốn hàng hóa

TK 6322: giá vốn hợp đồng xây dựng

TK 6323: giá vốn cung cấp dịch vụ

TK 6327: giá vốn kinh doanh bất động sản

TK 511: Doanh thu

TK 5111: Doanh thu hàng hóa

TK 5112: Doanh thu công trình xây dựng

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5117: Doanh thu đầu tư bất động sản

mà không mở sổ chi tiết và ghi nhận vào các sổ chi tiết cho từng nhóm ngành

**\* Về trích lập các khoản dự phòng**

Công ty không trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tài chính.

+ Trong khi đó, lĩnh vực mang lại lợi nhuận lớn nhất của công ty là công trình xây dựng, đầu tư bất động sản. Giá cả nguyên vật liệu trong ngành xây dựng cũng như bất động sản biến động thất thường không ổn định, tùy theo cung cầu trên thị trường và các chính sách kích cầu của Nhà nước.

+ Mặt khác Công ty thường bán hàng và cung ứng dịch vụ cho khách hàng theo các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, nên khách hàng khi mua thường không thể trả tiền ngay hoặc trả hết trong một lần, dẫn đến công ty luôn tồn tại một số lượng lớn các khoản phải thu.

Việc không tiến hành trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc công ty không dự kiến trước các tổn thất. Do vậy, khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra thì công ty khó có thể xử lý kịp thời. Khi đó, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty sẽ chịu những ảnh hưởng nặng nề hơn với những tổn thất không đáng có, ảnh hưởng đến việc phân tích, đánh giá hoạt động cũng như tình hình tài chính. Trong khi nếu trước đó Công ty đã có kế hoạch tạo lập các nguồn kinh phí trang trải cho những rủi ro này thì những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty sẽ giảm đi đáng kể.

### **3.3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12**

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Công ty cổ phần xây dựng số 12 luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Việc hoàn thiện phải được bắt đầu từ các khâu:

- Hạch toán ban đầu dẫn đến kiểm tra thông tin trong chứng từ .
- Tổ chức luân chuyển chứng từ.
- Vận dụng Tài khoản kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức cung cấp thông tin cho đối tượng sử dụng bằng cách lập các báo cáo kế toán.
- Tổ chức công tác phân tích doanh thu và kết quả bán hàng tại công ty.

Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng số 12, ta thấy Công ty đã vận dụng đúng quy định của chế độ kế toán đối với loại hình doanh nghiệp xây dựng từ công tác hạch toán ban đầu đến ghi sổ nghiệp vụ và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Mặc dù vậy, bên cạnh những ưu điểm vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để hoàn thiện hơn nữa phần hành kế toán này của công ty.

### **3.4. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12**

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng số 12 được sự chỉ bảo tận tình của các cô, các chú và các anh chị phòng kế toán Công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức kế toán tại Công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập với sự nhiệt tình nghiên cứu, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng số 12.

#### **\* Ý kiến 1: Hoàn thiện công tác kế toán tài chính**

Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Vì khối lượng công việc rất lớn, DN lại là DN sản xuất vừa nhận các công trình xây lắp, có rất nhiều phức tạp trong quản lý vì vậy nên tuyển thêm các nhân

viên kế toán kế toán các công trình xây dựng, và đối với các công trình ở xa và có giá trị lớn phải đi theo công trình để làm việc, mới đảm bảo công tác kế toán diễn ra nhanh chóng, khách quan, và có được con số lợi nhuận của từng công trình chính xác, kịp thời nhất.

+ Vì công ty kế toán theo mô hình tập trung mà lại có các công trình ở xa, nên việc bồi dưỡng thêm kiến thức kế toán cho người quản lý các công trình là cần thiết, phục vụ cho công tác hạch toán ban đầu được chính xác

+ Tạo điều nhân viên kế toán được đào tạo thêm nghiệp vụ về thuế, tài chính, nâng cao kiến thức về tin học và máy tính để dễ dàng quản lý, sử dụng máy tính chủ động khắc phục một số hạn chế về trực trực về một số phần mềm, chương trình trong máy tính

+ Nhân viên kế toán trong công ty tuổi nghề còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm công ty nên khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tự học hỏi thêm những người đi trước, tổ chức những buổi nói chuyện, học thêm kinh nghiệm ngoài giờ làm việc giữa các nhân viên và giữa kế toán trưởng nhiều kinh nghiệm với nhân viên, có thể mời một số chuyên gia kế toán về giảng dạy nếu có đủ điều kiện. Như vậy, có thể tăng được kinh nghiệm thực tế cho nhân viên, đồng thời tăng khả năng phối hợp thực hiện công việc được hiệu quả hơn.

### **\* Ý kiến 2: Về tổ chức hạch toán**

Các hóa đơn mà các bộ phận khác trong công ty mua để phục vụ hoặc xuất cho các công trình xây dựng cơ bản (hóa đơn GTGT, HĐBH, chứng từ khác ) cần được lưu chuyển linh hoạt hơn, chuyển về phòng kế toán kịp thời . Để khắc phục các cán bộ kế toán trên công ty cần phải thường xuyên đôn đốc việc luân chuyển chứng từ tới bộ phận kế toán để xử lý, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh: như đôn đốc nhân viên bán hàng gửi hóa đơn, chứng từ đúng thời hạn, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho việc hạch toán tổng hợp và chi tiết, tạo điều kiện thuận lợi, chính xác trong hạch toán, cũng như xác định kết quả kinh doanh, tránh những sai sót không đáng có gây mất thời gian và chi phí của doanh nghiệp.

**\* Ý kiến 3: Hoàn thiện sổ kế toán**

Việc công ty không mở sổ chi tiết TK 511, TK 632 gây khó khăn cho công tác quản lý. Để tiện cho việc theo dõi, kế toán có thể phân loại doanh thu công trình xây dựng chi tiết theo từng công trình, dịch vụ cung cấp thành một số nhóm như sau: giao thông vận tải, san lấp mặt bằng, tư vấn thiết kế... Khi đó kế toán nên mở sổ chi tiết TK 511, 632 theo từng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Như vậy, số lượng sổ kế toán chi tiết sẽ không quá lớn, mà việc theo dõi mua bán, dịch vụ cung cấp cũng sẽ thuận tiện hơn, thỏa mãn tốt yêu cầu của công tác quản lý.

Công ty có thể mở các sổ chi tiết như sau:

+ TK 5112 – Doanh thu công trình xây dựng

TK 51121 – Doanh thu công trình siêu thị An Dương

TK 51122 – Doanh thu công trình trường học Nam Sơn

TK 51123 – Doanh thu công trình BVĐK An Dương

.....

+ TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 51131 – Doanh thu cung cấp dịch vụ giao thông vận tải

TK 51132 – Doanh thu cung cấp dịch vụ san lấp mặt bằng

TK 51133 – Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế

.....

+ TK 632 – Giá vốn hàng bán

TK 63221 – Giá vốn công trình siêu thị An Dương

TK 63222 – Giá vốn công trình trường học Nam Sơn

TK 63223 – Giá vốn công trình BVĐK An Dương

.....

(Tương tự đối với các tài khoản chi tiết cho các nhóm ngành kinh doanh khác)

Vì các tài khoản loại 5 và loại 6 không có không có số dư nên có thể mở Sổ chi tiết tài khoản theo mẫu sau:

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản:

Đối tượng:

Năm: ...

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<b>Cộng</b>			

Mở sổ chi tiết theo cách này không những quản lý được nhanh chóng chính xác hàng bán và dịch vụ cung cấp trong kỳ mà còn giúp cho các nhà quản trị biết những mặt hàng hay dịch vụ nào đã tạo ra doanh thu chủ yếu cho công ty để từ đó có phương hướng đầu tư, phát triển cho hợp lý.

Bên cạnh đó để tiện cho việc theo dõi kết quả kinh doanh, công ty cũng nên mở sổ chi tiết TK 911 chi tiết theo từng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh tại công ty. Qua đó cũng giúp công ty có thể tính lợi nhuận gộp theo hoạt động một cách thuận tiện nhất.

Về phương pháp tính khấu hao Công ty tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ tính toán giúp cho việc hạch toán nhanh chóng. Tuy nhiên để đảm bảo nguồn vốn đầu tư của công ty nhanh chóng được thu hồi, khắc phục được yếu tố mất giá, trượt giá, công ty nên xem xét sử dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần để khấu hao nhanh trị giá tài sản trong những năm đầu .



**\* Ý kiến 4: Ứng dụng phần mềm kế toán**

Hiện nay, công ty vẫn sử dụng kế toán Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán như phần mềm kế toán FAST, UNESCO, GREENSOFT ... Công ty nên kết hợp kế toán excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy những ưu điểm, hạn chế được những nhược điểm.

**\* Ý kiến 5: Về trích lập các khoản dự phòng**

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra, công ty có nguồn kinh phí xử lý kịp thời những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có.

Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**a) Đối với dự phòng phải thu khó đòi:**

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

**\* Phương pháp kế toán dự phòng giảm thu khó đòi:**

- Chứng từ sử dụng: chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Tài khoản sử dụng: TK 139 – “Dự phòng phải thu khó đòi”.

Kết cấu TK 139:

Bên Nợ: + Hoàn nhập dự phòng giảm thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

+ Xử lý xóa nợ các khoản phải thu khó đòi không thể đòi được.

Bên Có:

Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có: Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

**- Trình tự hạch toán:**

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính toán mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 139: Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập
- Cuối kỳ trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:

Nợ TK 139: Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

- Còn nếu lớn hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 139: Số tiền trích lập thêm

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 139 (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131, 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý”.

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 Số tiền thực tế đã thu hồi được

Đồng thời ghi Có TK 004 – “Nợ khó đòi đã xử lý”

Sổ kế toán: Sổ Cái TK 139, 156, Sổ chi tiết TK 156.

### ***b) Đối với dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong tương lai.

Dự phòng được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ vào cuối kỳ kế toán năm khi lập BCTC. Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa để xác định khoản dự phòng.

\*Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn, chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.
  - + Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.
  - + Bảng tổng hợp mức lập dự phòng.
  - + Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.
- Tài khoản sử dụng: TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nội dung và kết cấu của TK 159:

Bên Nợ:

Số hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ghi giảm giá vốn hàng bán

Bên Có: Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập cuối niên độ.

Số dư bên Có: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- Trình tự hạch toán:

Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho, tính toán mức dự phòng cần lập lần đầu, ghi:

Nợ TK 632: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 1593: Số tiền trích lập dự phòng.

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn khoản dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn phải được trích lập thêm:

Nợ TK 632 : Số tiền trích lập thêm

Có TK 159: Số tiền trích lập thêm.

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159: Số tiền hoàn nhập

Có TK 632: Số tiền hoàn nhập.

- Sổ kế toán: Sổ cái TK 1593, 131, sổ chi tiết TK 131.

Như vậy, việc lập nên các khoản dự phòng sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định, tăng độ chính xác tin cậy cho các thông tin kế toán đưa ra..

**\* Ý kiến 6: Phân tích báo cáo tài chính**

Hàng năm công ty nên phân tích báo cáo tài chính( hay phân tích tình hình

tài chính ) để làm rõ xu hướng, tốc độ tăng trưởng, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, chỉ ra những thế mạnh hoặc nhược điểm để đưa ra những biện pháp quản trị tài chính đúng đắn và kịp thời để phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**\* Ngoài ra công ty nên lưu ý một số vấn đề sau:**

+ Công ty nên tăng cường tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, trang thiết bị, công tác đối ngoại để tăng số lượng hợp đồng. Cần giảm chi phí tới mức thấp nhất để tăng lợi nhuận, cũng như tăng nguồn vốn kinh doanh của công ty.

+ Công ty nên tìm kiếm mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, từ đó cải thiện đời sống cho công nhân viên. Đặc biệt thị trường đang trong thời kì bão giá, tất cả các mặt hàng đều tăng giá, đời sống của của công nhân viên trở nên khó khăn hơn. Vì vậy công ty nên có chế độ tăng lương hợp lý, tăng cường chính sách khen thưởng, khuyến khích công nhân viên có năng lực, sáng tạo, phát huy tốt nhất nguồn nội lực vốn có trong công ty.

## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong thời kỳ kinh tế mở hiện nay, thì dường như những bài toán kinh tế cho mỗi doanh nghiệp ngày càng nan giải và khó khăn, mà mỗi bài toán kinh tế đó vẫn là đi tìm kiếm lợi nhuận. Lợi nhuận ở đây không đơn thuần được đo bằng giá trị vật chất mang lại mà còn phải đảm bảo về cả chất và lượng về nhân lực cũng như thành quả kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này thì mỗi doanh nghiệp cần tạo ra cho mình một hướng đi riêng, với những đường lối, phương hướng hạch toán kinh doanh đúng đắn, hiệu quả. Và kế toán là một công cụ quan trọng và cần thiết không thể thiếu được trong mỗi doanh nghiệp. Kế toán vừa là một công cụ quản lý kinh tế vừa là công tác nghiệp vụ hữu hiệu, là một trợ thủ đắc lực cho các nhà hoạch định kinh doanh vạch ra hướng phát triển trong tương lai.

Sau một thời gian tìm hiểu công tác kế toán ở Công ty cổ phần xây dựng số 12, em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp và những công việc cần phải làm đối với một phần hành kế toán. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường. Qua thời gian thực tập, em nhận thấy Công ty cổ phần xây dựng số 12 là một doanh nghiệp có uy tín lớn trong lĩnh vực kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị, nhà hàng, khách sạn.... Công ty đã tổ chức rất tốt công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của cô giáo –Th.S Ninh Thị Thùy Trang và Ban Tài chính – Kế toán Công ty đã giúp em hoàn thành bản khóa luận này.